

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN HÀNG KÊNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Trần Thị Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Trần Thị Thùy Linh

MSV: 1213401049

Lớp : QTL 602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh.
- Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh năm 2012.

3. Địa điểm thực tập.

- Công ty cổ phần Hàng Kênh
- Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường An Biên, quận Lê Chân, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn :

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Hàng Kênh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn :

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 26 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..	4
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập, các khoản giảm trừ doanh thu ..	4
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	12
1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	14
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí	16
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	16
1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	24
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác	26
1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
1.3. Hình thức kế toán tại doanh nghiệp	28

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH.....	29
2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	31
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	31
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	34
2.1.5. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	38
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.....	38
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.....	47
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.....	62
2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.....	74
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	85
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	85
3.1.1. Kết quả đạt được.....	85
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	85

3.1.1.2. Về hình thức kế toán:	86
3.1.1.3. Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng	86
3.1.1.4. Về việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty :.....	86
3.1.2. Hạn chế	87
3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng.....	87
3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng.....	87
3.1.2.3. Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại.....	88
3.1.2.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ	88
3.1.2.5. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin.....	88
3.1.2.6. Chưa trích lập khoản dự phòng khó đòi.....	84
3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH	88
3.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	89
3.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng	90
3.2.3. Sử dụng chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán	88
3.2.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ	95
3.2.5. Áp dụng phần mềm kế toán	95
3.2.6. Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi.....	93
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	100

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận thu được. Bằng hệ thống các phương pháp khoa học, kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ và chính xác. Đặc biệt, công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Hàng Kênh, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp là: "Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Hàng Kênh".

Nội dung khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cô, các chị phòng Thống kê- kế toán và sự hướng dẫn của cô giáo – Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương song do kiến thức và kinh nghiệm có hạn nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót, nhược điểm. Em rất mong nhận được sự tham gia góp ý của thầy cô giáo, của cô giáo hướng dẫn để em hoàn thiện bài viết này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Trần Thị Thùy Linh

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng với nhà quản lý doanh nghiệp mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

✓ Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

✓ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

✓ Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

✓ Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

✓ Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

✓ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

✓ Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

✓ Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

✓ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí

✓ Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

✓ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

✓ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

✓ Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kì.

✓ Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

✓ Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Khái niệm

✓ **Doanh thu** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong

thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán(nếu có).

✓ **Doanh thu bán hàng nội bộ** là doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp, là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- ✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý

của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

✓ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

✓ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

✓ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

✓ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

✓ Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên

cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiên.

❖ **Các phương thức bán hàng**

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

✓ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

✓ *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

✓ *Phương thức hàng đổi hàng:* Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

✓ *Phương thức tiêu thụ nội bộ:* Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng 1 tổng công ty, 1 tập đoàn, 1 xí nghiệp...

❖ **Chứng từ sử dụng**

✓ Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp

khấu trừ), Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp), Hợp đồng kinh tế.

- ✓ Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi.
- ✓ Phiếu xuất, Phiếu thu, Giấy báo có.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng**

- ✓ **TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản**

cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118 – Doanh thu khác

✓

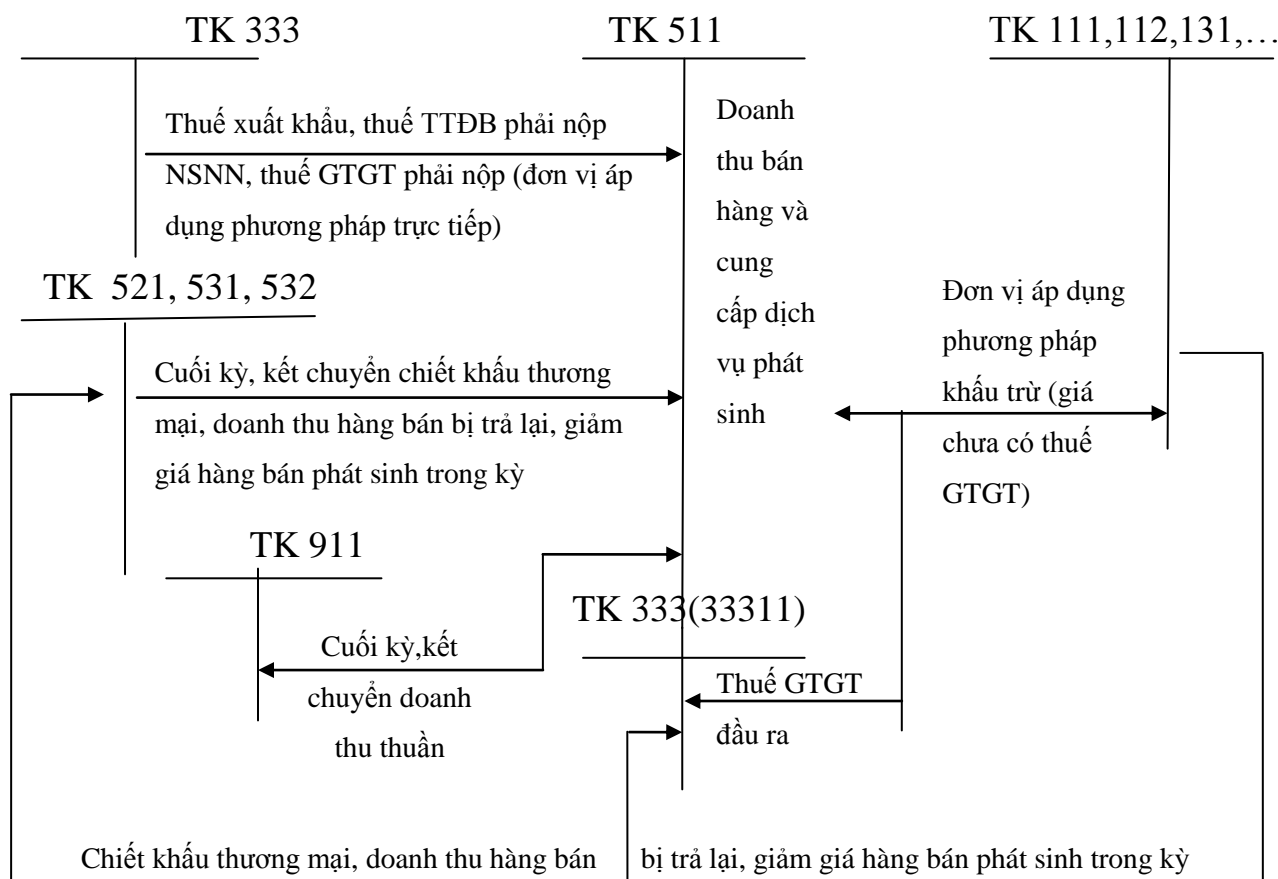
T

K512 “Doanh thu tiêu thụ nội bộ” có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- ✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- ✓ Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- ✓ Lãi tỷ giá hối đoái.
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- ✓ Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

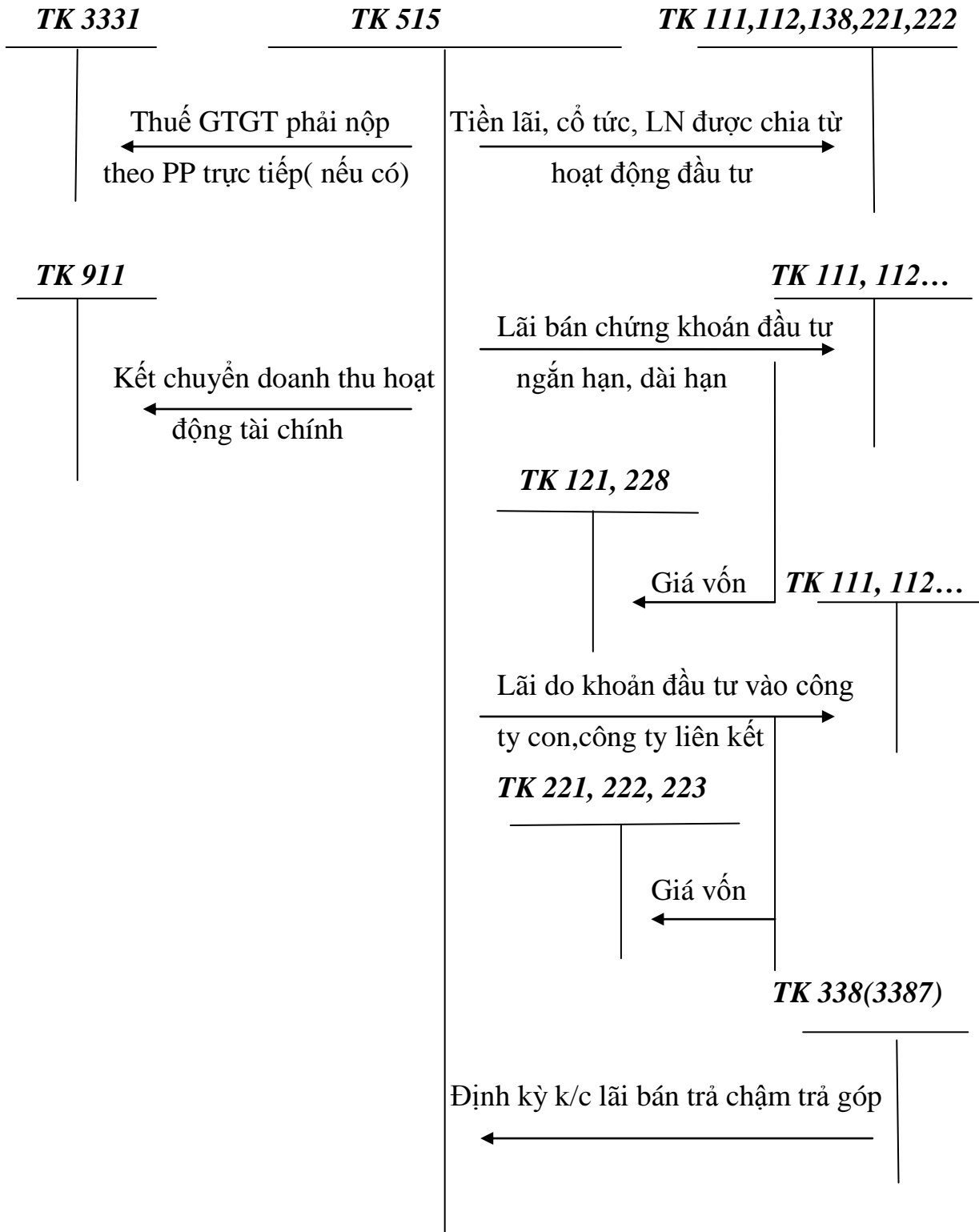
❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- ✓ Phiếu thu, Giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp:

- ✓ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- ✓ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- ✓ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- ✓ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- ✓ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- ✓ Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- ✓ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- ✓ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

✓ Thu
nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng

- ✓ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

❖ Chứng từ sử dụng:

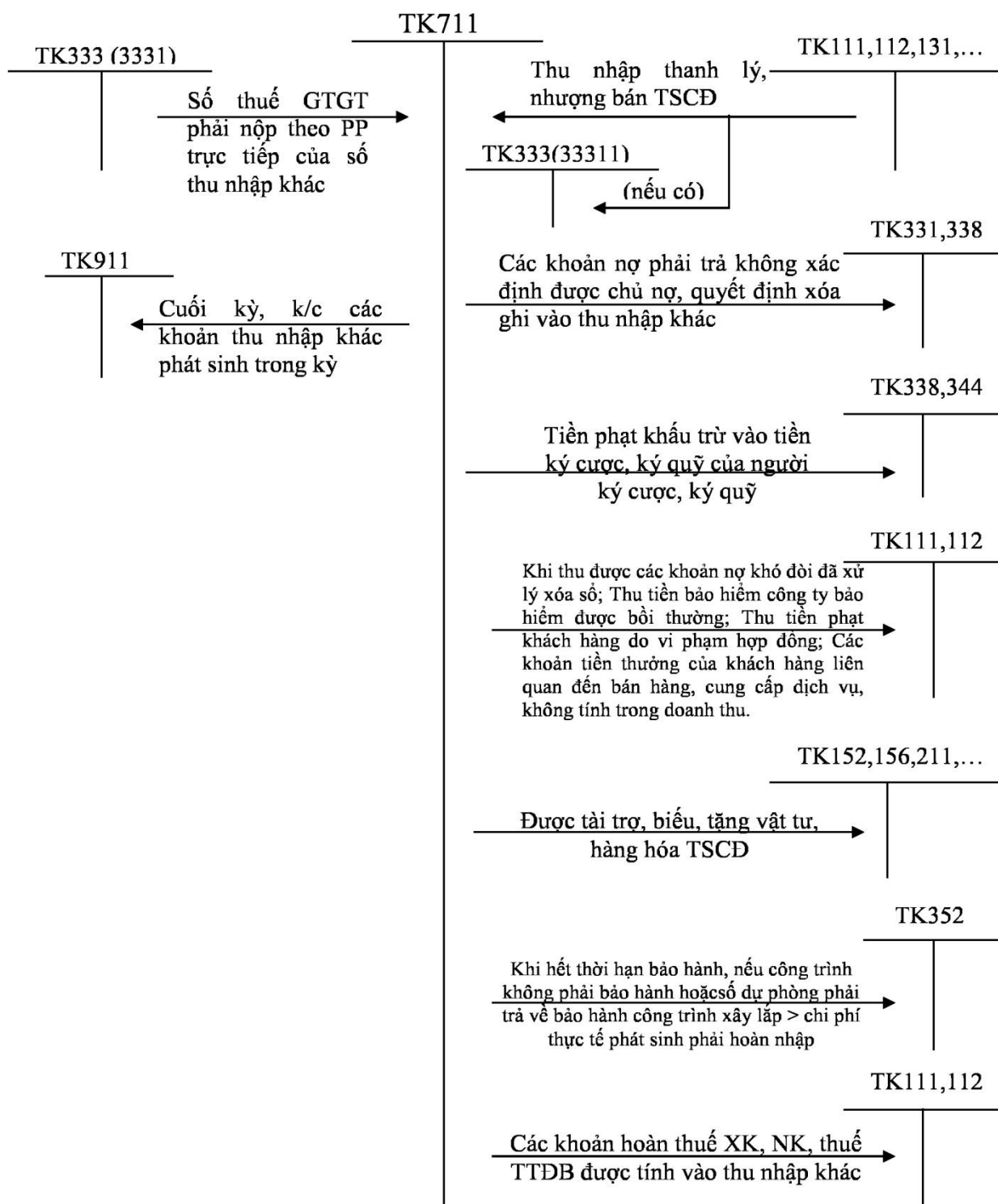
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có.....
- ✓ Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 711 “Thu nhập khác”

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Khái niệm

✓ Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

✓ Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua từ chối, trả lại do không tôn trọng hợp đồng kinh tế như đã kí kết.

✓ Các khoản giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hóa đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian địa điểm trong hợp đồng...

❖ Chứng từ sử dụng:

✓ Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường

✓ Hợp đồng mua bán

✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ

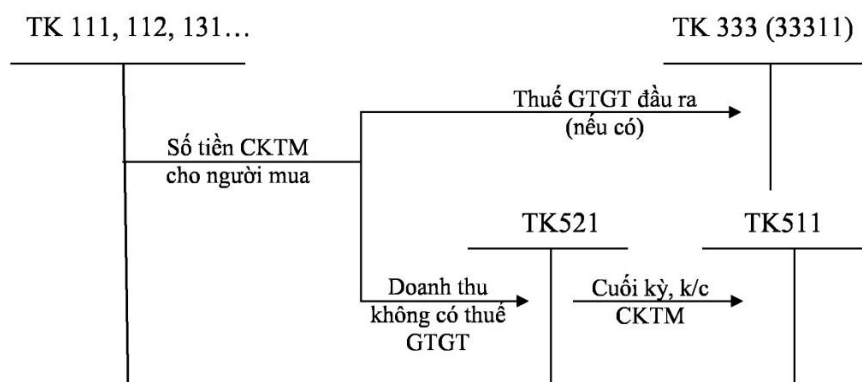
✓ Các chứng từ liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

✓ TK521 “Chiết khấu thương mại”

❖ Phương pháp hạch toán:

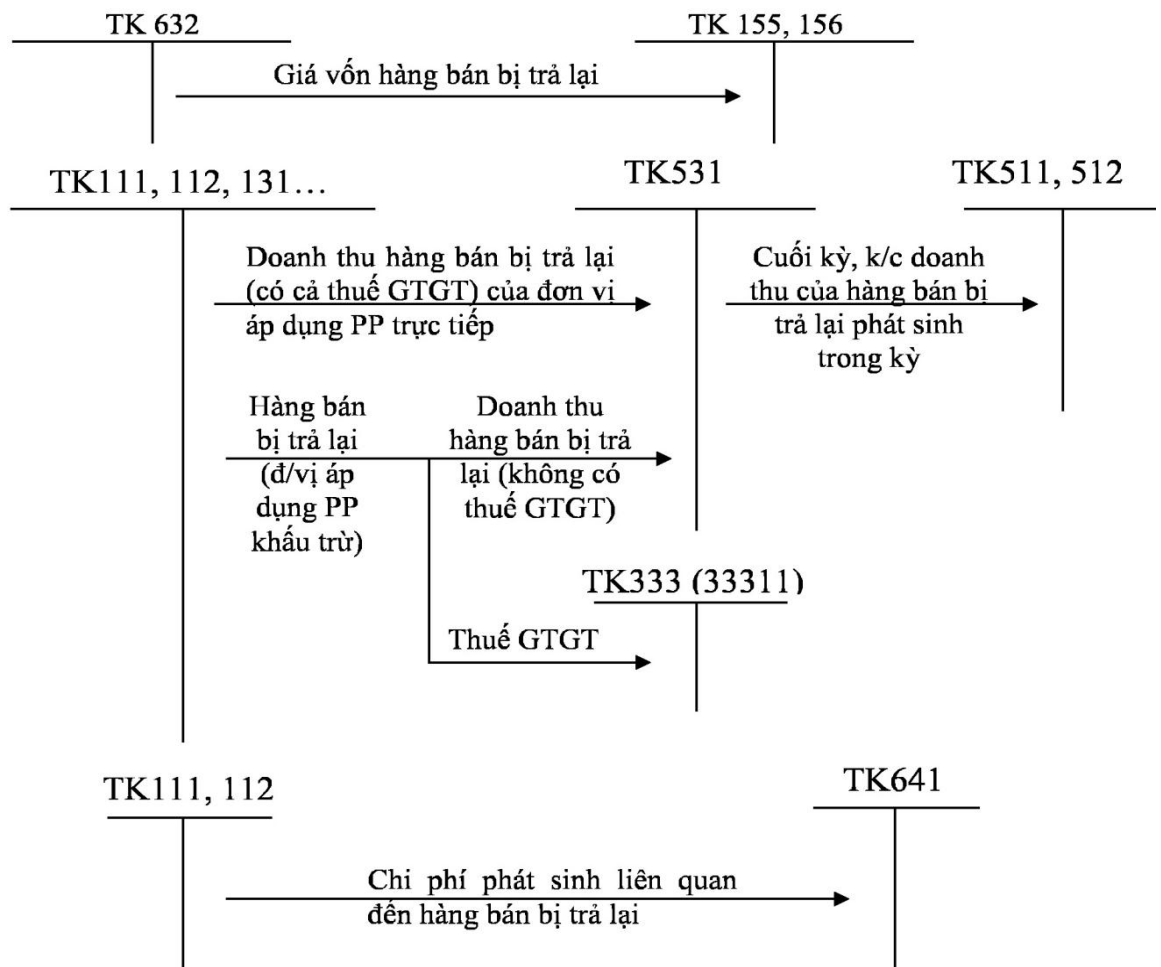
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



✓ **TK531 “Hàng bán bị trả lại”**

❖ **Phương pháp hạch toán**

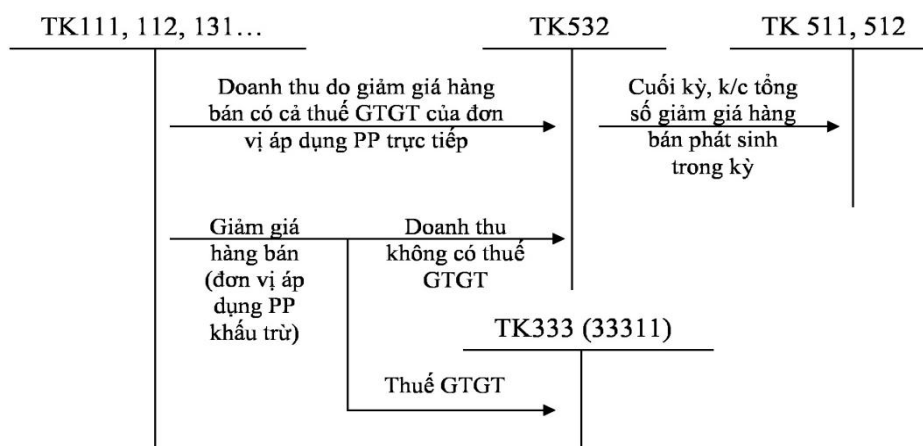
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



✓ **TK532 “Giảm giá hàng bán ”**

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Khái niệm

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:



hương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giá định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

- Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

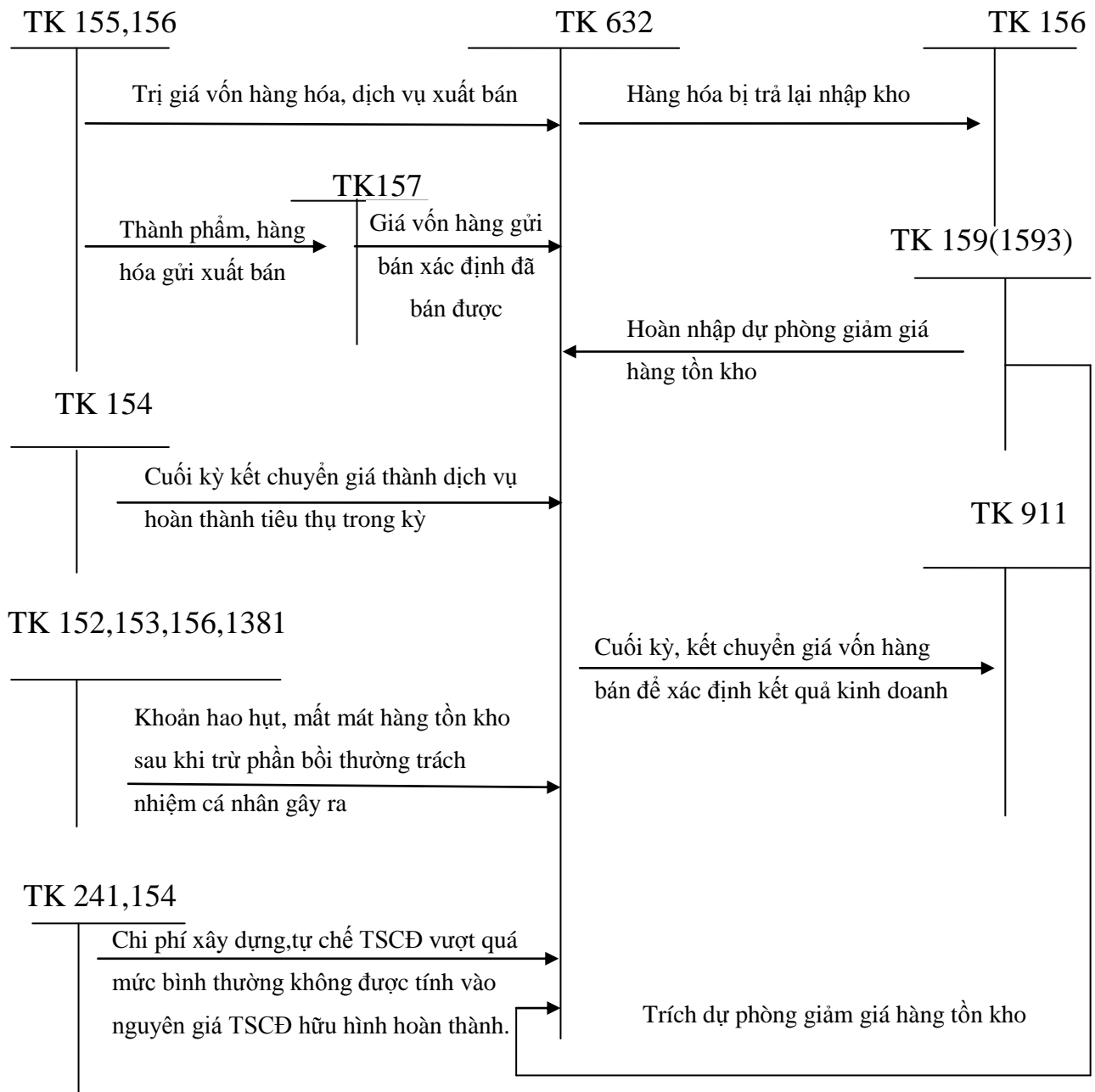
❖ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 “ Giá vốn hàng bán”

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Khái niệm

✓ **Chi phí bán hàng:** là toán bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào bán, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo hành, đóng gói, vận chuyển

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên: bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị....)

❖ Chứng từ sử dụng:

✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL).

✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).

✓ Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).

✓ Các chứng từ gốc có liên quan: Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ Tài khoản sử dụng:

✓ **TK 641 “Chi phí bán hàng” gồm 8 tài khoản cấp 2**

-		T
-	K 6411 - Chi phí nhân viên	
-		T
-	K 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì	
-		T
-	K 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng	
-		T
-	K 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ	
-		T
-	K 6415 - Chi phí bảo hành	

-

K 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

-

K 6418 - Chi phí khác bằng tiền



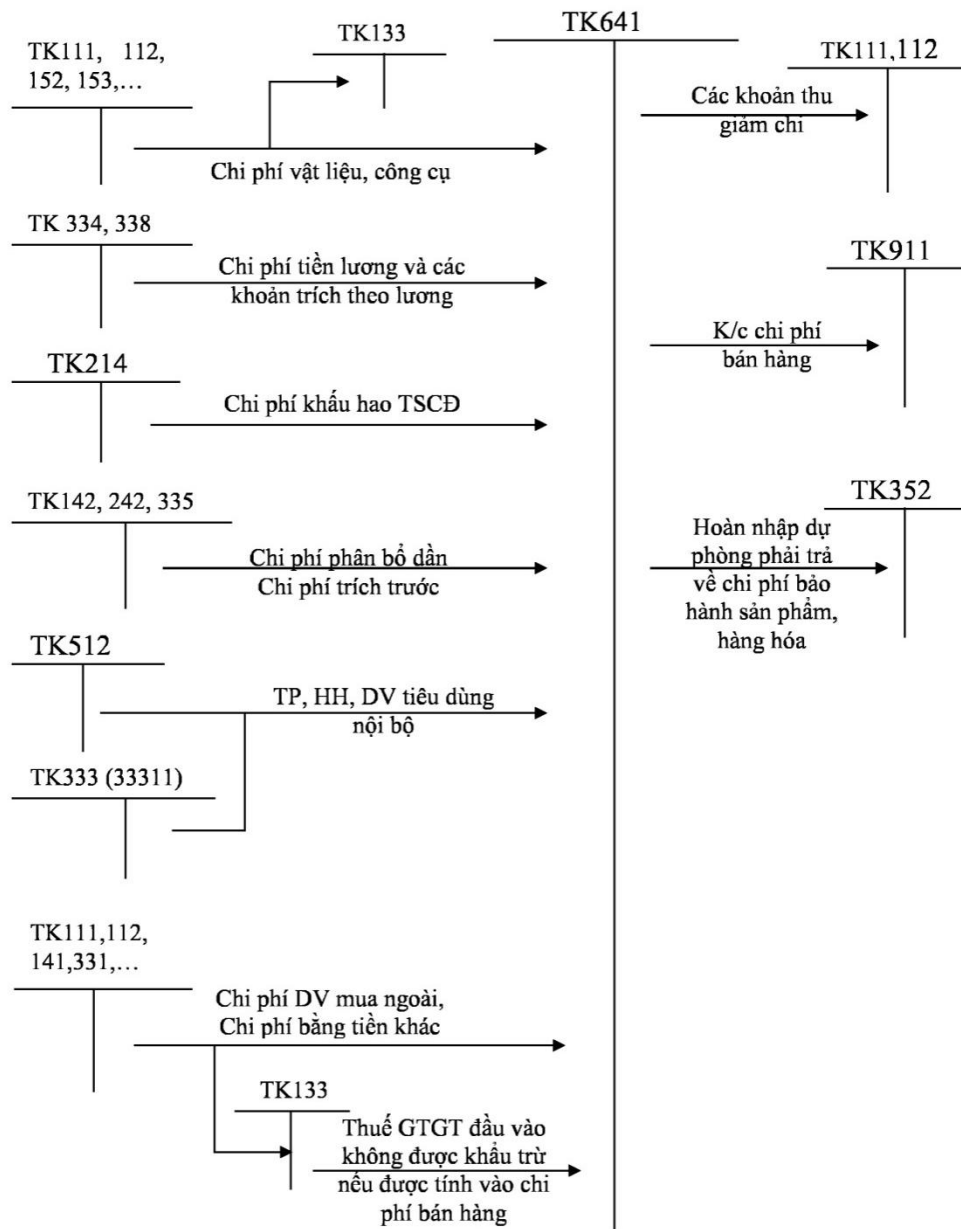
hương pháp hạch toán

T

T

P

Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí bán hàng



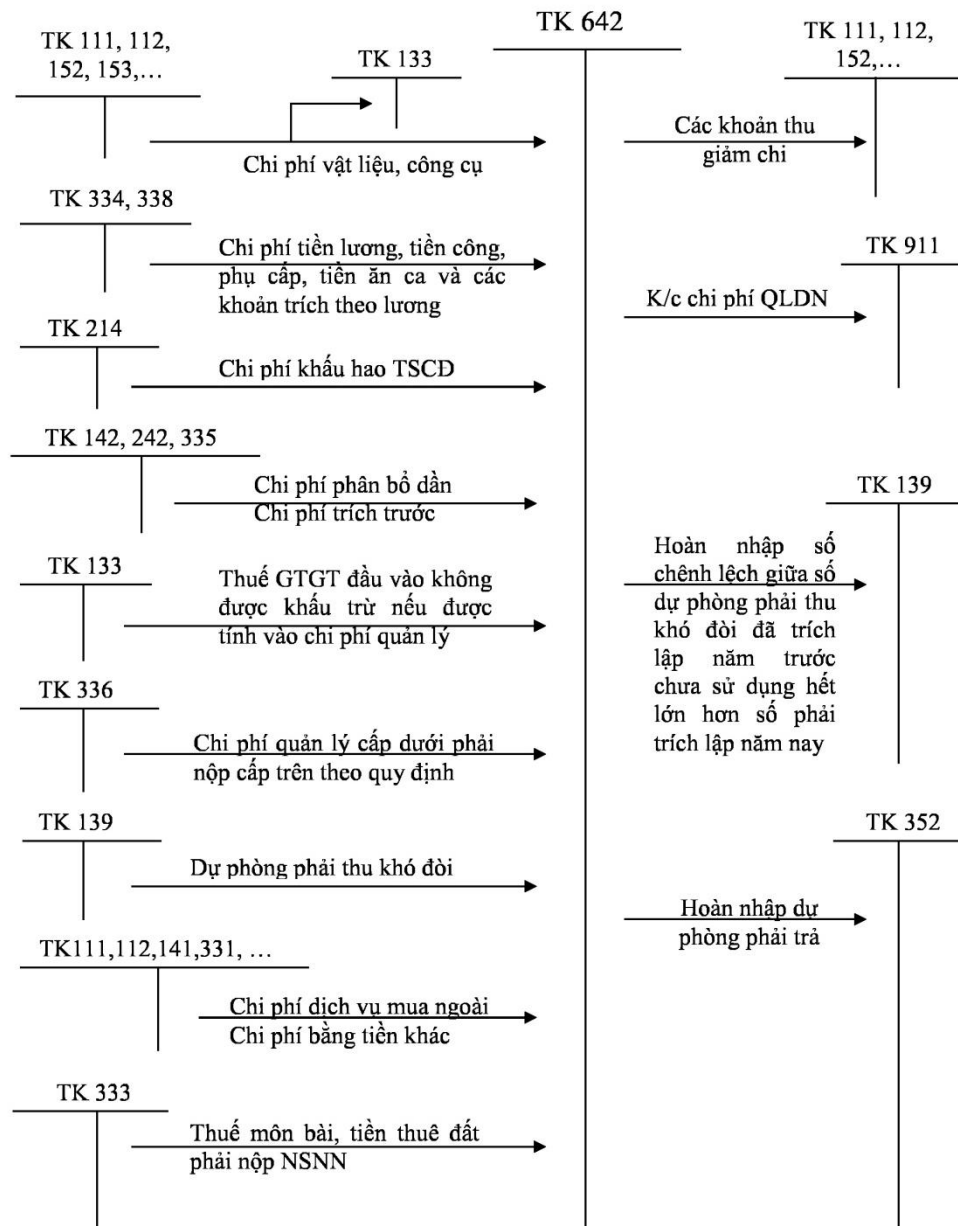
✓ **TK642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” gồm 8 tài khoản cấp 2**

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền



Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ Khái niệm: là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn.. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái.

❖ Chứng từ sử dụng:

✓ Giấy báo nợ

✓ Hóa đơn giá trị gia tăng

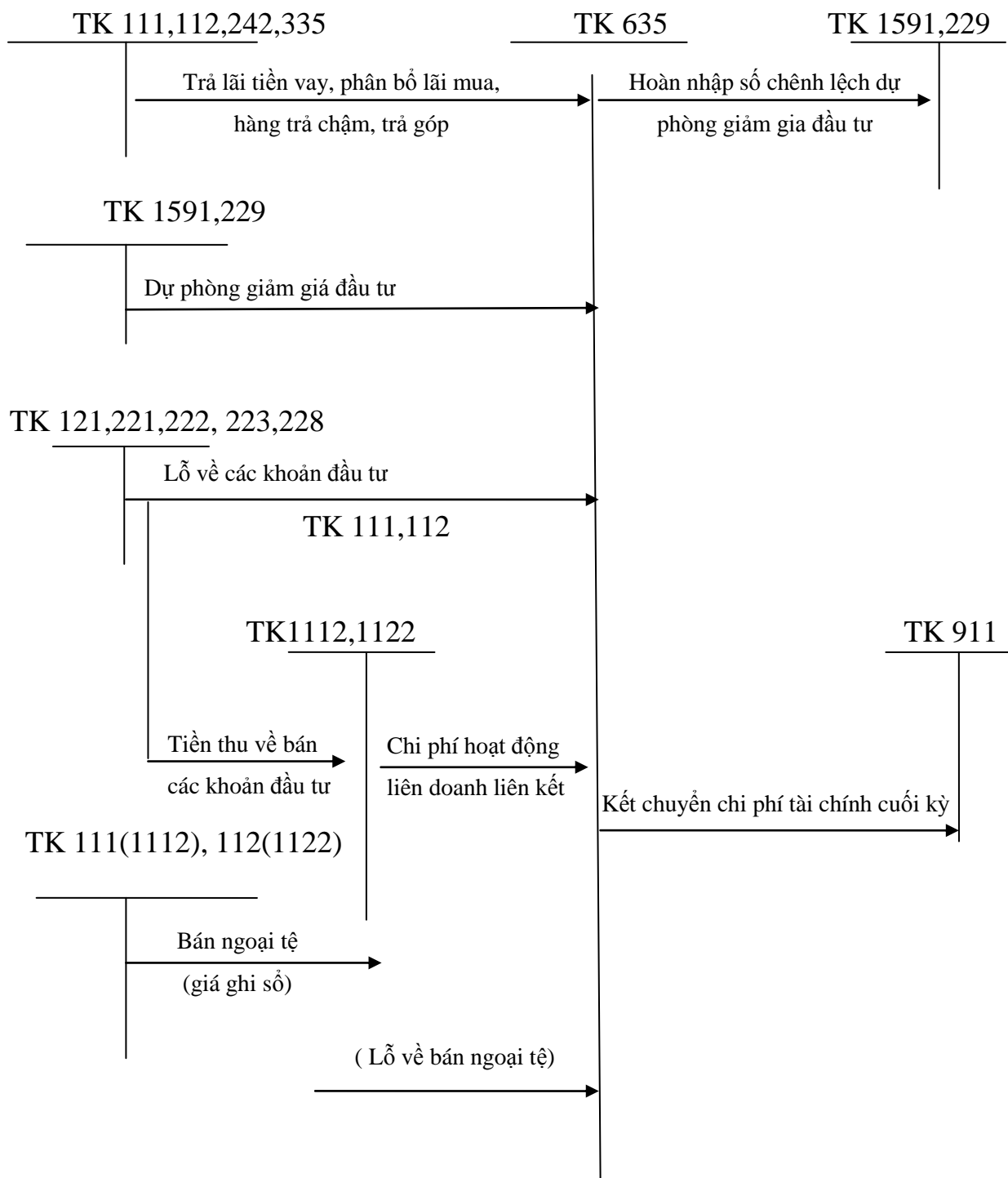
✓ Phiếu kế toán

✓ Phiếu chi và các chứng từ có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí tài chính

❖ Phương pháp hạch toán

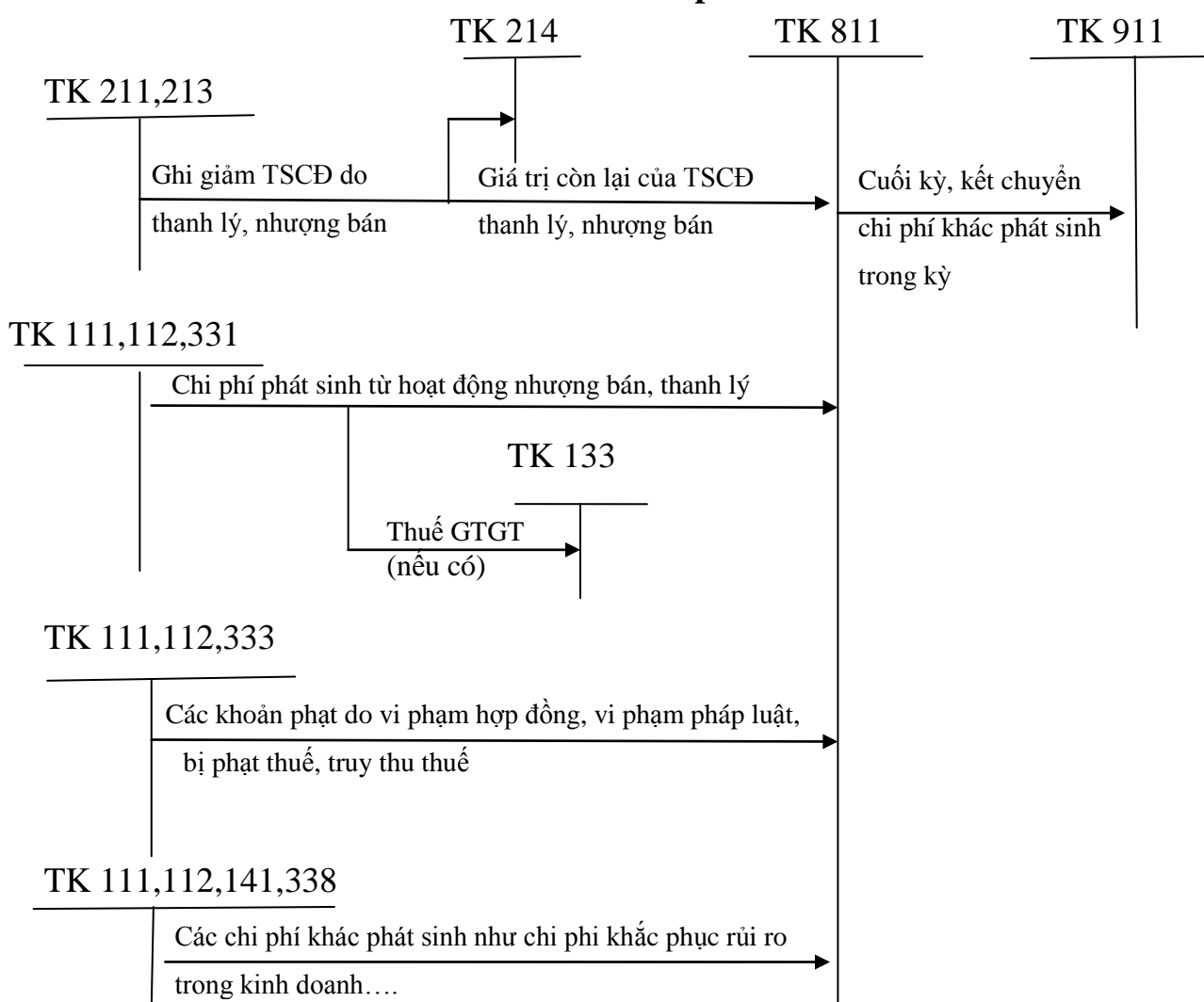
Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

- ❖ Khái niệm: Nội dung chi phí khác của doanh nghiệp:
- ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- ✓ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- ✓ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- ✓ Bị phạt thuế, truy thu thuế.
- ✓ Các khoản chi phí khác.
- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng: **TK 811 “Chi phí khác”**
- ❖ Phương pháp hạch toán

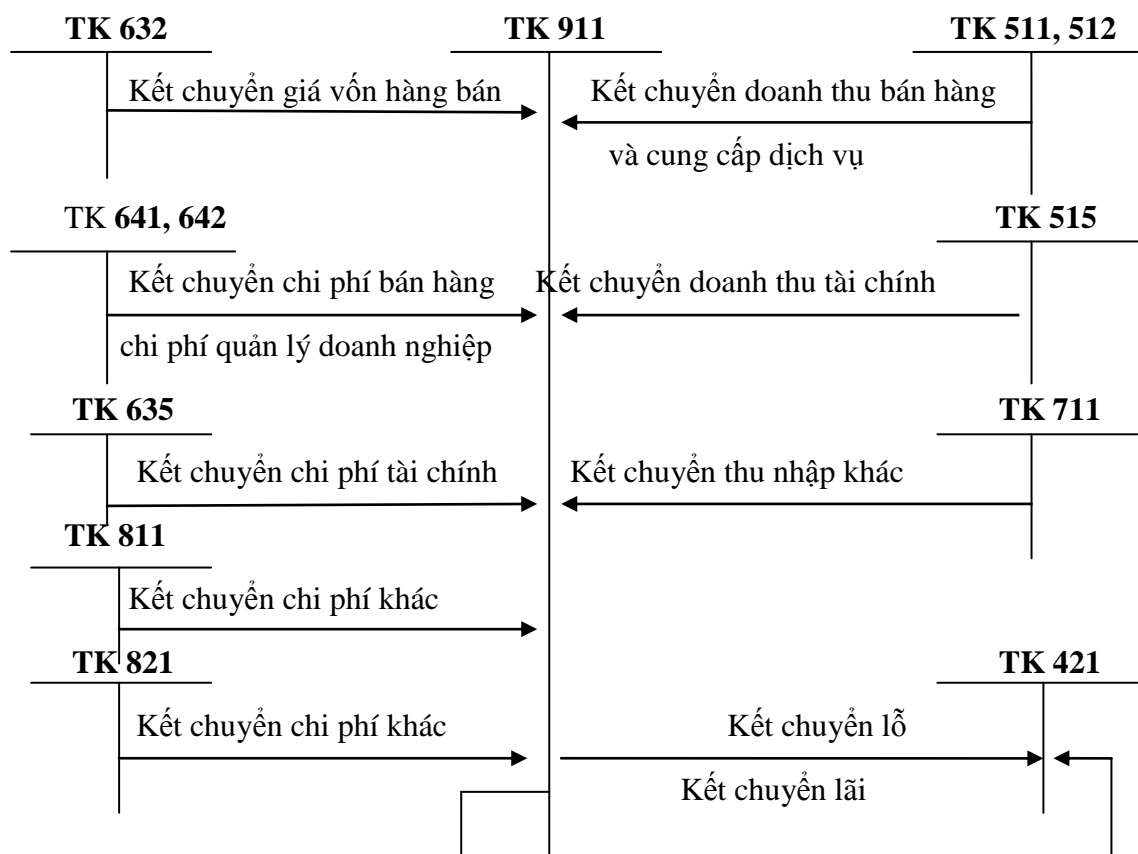
Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí khác



1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- ✓ Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
- ✓ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- ✓ Tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”
- ❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Hình thức kế toán tại doanh nghiệp.

- Hình thức Nhật ký- chứng từ

❖ Đặc trưng cơ bản:

✓ Tập hợp hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các khoản đối ứng Nợ.

✓ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa công nghiệp theo nội dung kinh tế(theo tài khoản)

❖ Các loại sổ chủ yếu:

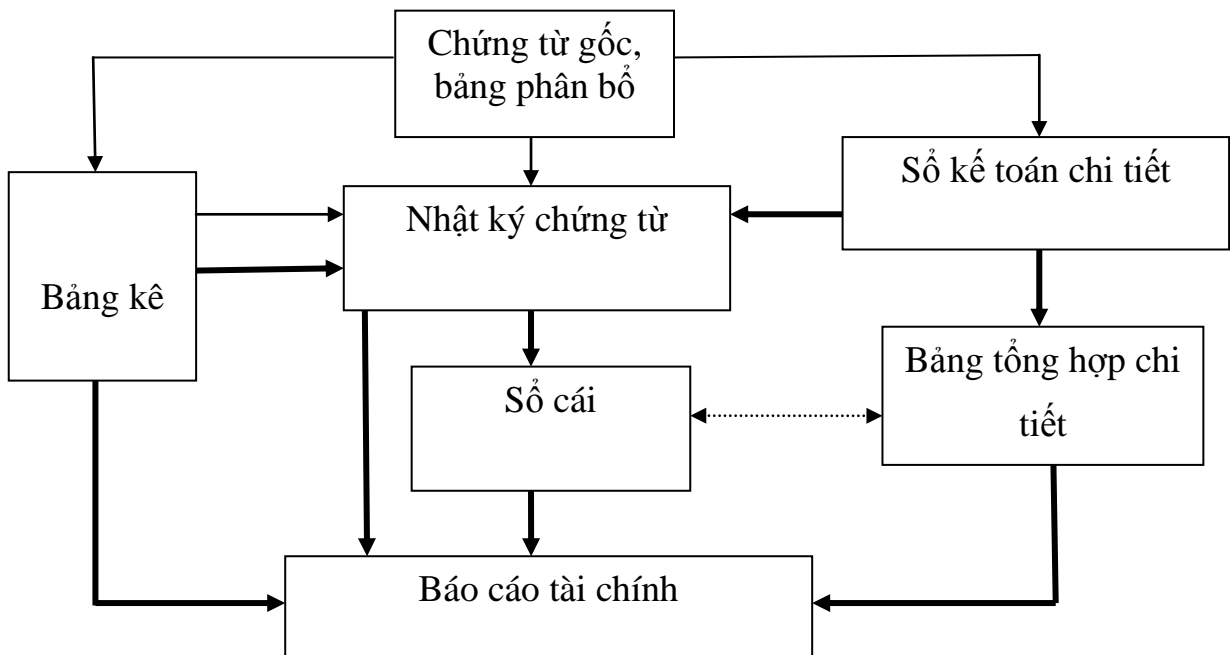
✓ Nhật ký chứng từ

✓ Bảng kê

✓ Sổ cái

✓ Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.13. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kì →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ

VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Hàng Kênh có tên giao dịch quốc tế: TAPIS HANG KENH

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 124 Nguyễn Đức Cảnh – Lê Chân - Hải Phòng

Số điện thoại: +84-31-3700509

Fax: +84-31-3700440

Email: tapishangkenh@hn.vnn.vn

Mã số thuế: 0200102626

Công ty cổ phần Hàng Kênh có lịch sử phát triển lâu dài, trải qua nhiều sóng gió thăng trầm, đồng hành cùng lịch sử dân tộc hơn 80 năm. Công ty đã giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động, trở thành mái nhà chung gắn bó máu thịt qua nhiều thế hệ giai cấp công nhân. Công ty có các mốc phát triển quan trọng sau đây:

Năm 1929: Hai nhà tư sản Pháp là Fenies và Guilloie đã cùng nhau xây dựng một xưởng dệt thảm len thủ công, lấy tên là Nhà máy thảm len Tapis Hàng Kênh, chính là tiền thân của CTCP Hàng Kênh ngày nay

Năm 1961, sau khi hoà bình lập lại, Xí nghiệp thảm len Hàng Kênh được thành lập, ngành nghề thảm len thủ công này vẫn phát triển. Trong suốt quá trình hoạt động, ngành thảm len đã nhanh chóng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Ngày 27/09/1976, để đáp ứng nhu cầu quản lý, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quyết định số 317/TCCQ về việc thành lập *Công ty Thảm Hàng Kênh*

Ngày 12/12/1992, Công ty Thảm Hàng Kênh được thành lập lại theo Quyết định số 1466/QĐ-TCCQ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. TAPIS HANG KENH đã trở thành thương hiệu quen thuộc trên thế giới.

Ngày 12/12/2005, Hội đồng nhân dân của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định số : 2865/QĐ về việc: chuyển công ty Thảm Hàng Kênh

thành **Công ty cổ phần Hàng Kênh**. Đây là một mốc son quan trọng đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của công ty không chỉ về lượng mà còn về chất. Quy mô hoạt động rộng hơn, bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả hơn.

Đầu năm 2008, công ty tổ chức huy động vốn của mọi tầng lớp nhân dân, các nhà đầu tư, các tổ chức doanh nghiệp. Số vốn huy động được lên tới hơn 10 tỷ VNĐ, bằng 2/3 vốn điều lệ ban đầu. Với sức huy động lớn như vậy, khẳng định tầm ảnh hưởng, uy tín của Công ty cổ phần Hàng Kênh đối với các nhà đầu tư.

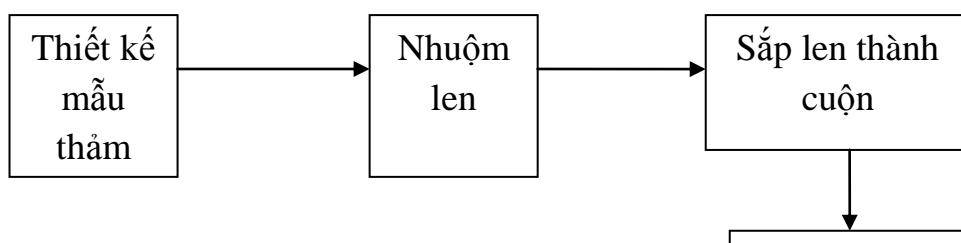
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty cổ phần Hàng Kênh hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Sản xuất và kinh doanh: các loại thảm, hàng dệt may, giấy dếp, hàng thủ công mỹ nghệ, giấy vàng mã, các sản phẩm đồ gỗ nội thất, gỗ cho xây dựng và công nghiệp.
- Kinh doanh, chế biến lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, than mỏ
- Kinh doanh máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư nguyên liệu và phụ liệu phục vụ sản xuất thảm, hàng dệt may, giấy dếp, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, chất đốt, xăng, dầu, mỡ bôi trơn, khí hoá lỏng
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hoá
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống; du lịch lữ hành nội địa và quốc tế
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thuỷ, đường bộ
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, các công trình hạ tầng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV
- Xây dựng và kinh doanh phát triển nhà ở, văn phòng cho thuê, kho chứa hàng, bến bãi, cơ sở hạ tầng; Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Hoạt động Bệnh viện.

Công nghệ sản xuất của Công ty Cổ phần Hàng Kênh

Sơ đồ 2.1: Công nghệ sản xuất thảm



Tỉa thăm

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Hàng Kênh áp dụng mô hình quản lý trực tuyến-chức năng giúp thống nhất mệnh lệnh, gắn trách nhiệm với một người cụ thể, cung cấp và truyền đạt thông tin rõ ràng, có hiệu quả trong tổ chức, đạt kết quả cao trong công việc.

Cơ quan có quyền hành cao nhất là **Đại hội đồng cổ đông**, có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập ít nhất mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát triệu tập

Bên dưới là **Hội đồng quản trị** bao gồm 4 thành viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Hoàng Mạnh Thế kiêm Tổng giám đốc công ty, Phó Chủ tịch là bà: Nguyễn Thị Đô kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách ngành Giày. Hai thành viên còn lại là ông Vũ Quốc Uy và bà Nguyễn Thị Ngân. Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra, có vai trò thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoạch định các chính sách kinh doanh, các hoạt động quan trọng khác của công ty cũng như chiến lược phát triển con người... để lãnh đạo công ty phát triển.

Bên cạnh Hội đồng quản trị, công ty còn thành lập **Ban kiểm soát**, do bà Nguyễn Thị Vân – kiêm Phó phòng kế toán đứng đầu, nhằm kiểm tra giám sát những hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như Tổng giám đốc có phù hợp với mục tiêu và lợi ích của công ty hay không? Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, ghi chép sổ sách,

báo cáo tài chính của công ty, thường xuyên thông báo với Hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra.

Tổng giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm với Nhà nước và tập thể lao động về kết quả và hiệu quả hoạt động của công ty. Tổng giám đốc có thể trực tiếp chỉ đạo đến các phòng ban, xí nghiệp. Dưới Tổng giám đốc là Phó Tổng giám đốc phụ trách ngành Giấy và Phó Tổng giám đốc phụ trách ngành Thảm. Ngoài phụ trách chỉ đạo chung, Tổng giám đốc còn quản lý trực tiếp ngành Giấy.

Các phòng ban trong công ty gồm có:

Phòng tổ chức hành chính: có nhiệm vụ tổ chức, sắp xếp bộ máy nhân sự, quản lý và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của người lao động và các cổ đông, xây dựng và tham mưu về các tiêu chuẩn lương, thưởng, bảo hiểm, điều hành bộ máy nhân sự.

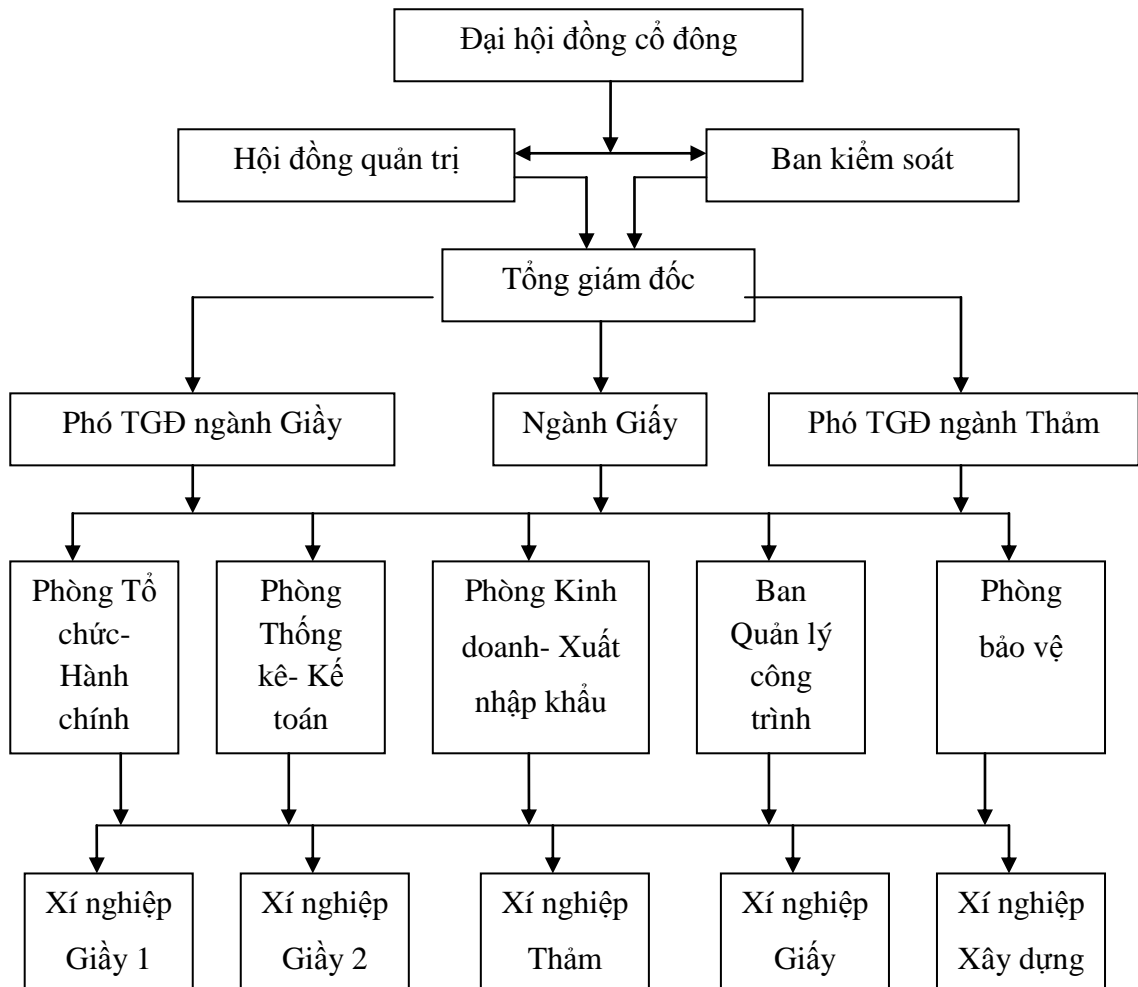
Phòng Thống kê - Kế toán: có nhiệm vụ hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ, thống kê, lưu trữ, cung cấp các số liệu, thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh sử dụng vốn của công ty trong mọi thời điểm cho Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và các bộ phận có liên quan nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành. Thông qua đó giúp ban quản trị đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Phòng kinh doanh - xuất nhập khẩu: Công việc của phòng là tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm, phát triển thị trường cả về chiều rộng và chiều sâu. Xây dựng các chương trình nghiên cứu, thăm dò thị trường, khuyến khích quảng cáo nhằm tìm thị trường mới. Từ đó đưa ra các quyết định về sản xuất, cung ứng, giá cả....

Ban quản lý công trình: Ban quản lý có trách nhiệm liên hệ, tìm kiếm đối tác, công trình, dự án trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời lập kế hoạch, kiểm tra kiểm soát quá trình thi công đến khi nghiệm thu bàn giao cho khách hàng.

Phòng bảo vệ: Phòng bảo vệ phụ trách bảo vệ mọi tài sản thuộc phạm vi quản lý của công ty, kiểm soát số lượng người ra vào để phòng kẻ gian đột nhập, kiểm tra hàng hoá - vật tư xuất ra mua vào có đầy đủ giấy tờ theo quy định hay không, đảm bảo an ninh trật tự trong toàn công ty.

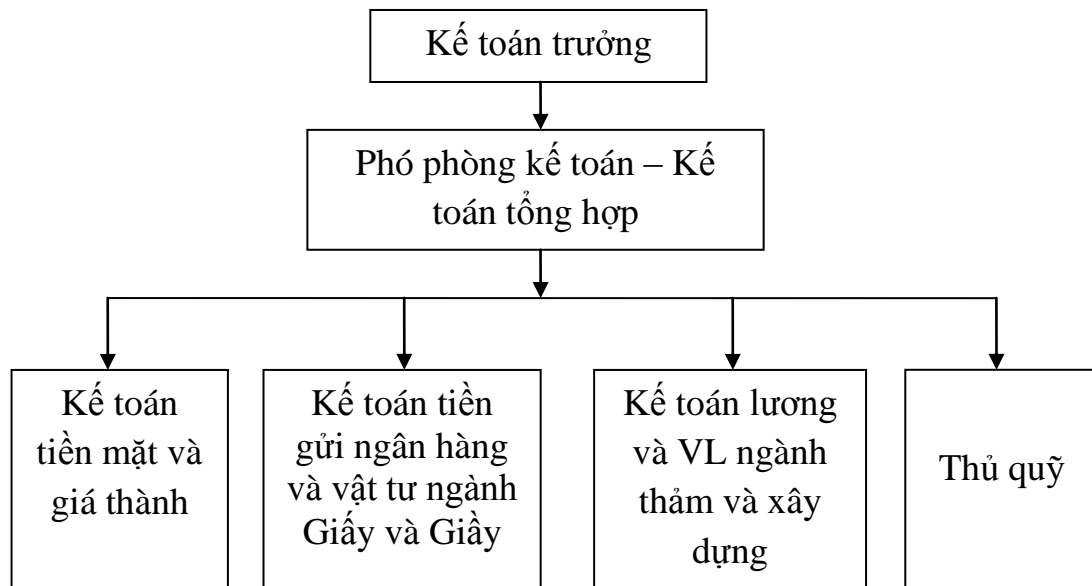
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Hàng Kênh



2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Công tác kế toán của Công ty cổ phần Hàng Kênh được tập trung tại phòng “Thống kê - Kế toán”, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.3 : Bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần Hàng Kênh



Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán: Kế toán trưởng phụ trách chung mọi hoạt động của phòng và quản lý tài chính tại các phân xưởng sản xuất. Đồng thời kế toán trưởng là người chịu trách giải thích các sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính và có nhiệm vụ tham mưu cho các nhà quản lý về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Kế toán tổng hợp kiêm phó phòng: có nhiệm vụ tập hợp các thông tin từ các nhân viên kế toán phân hành để lên các bảng cân đối kế toán và lập các báo cáo cuối kỳ.

Kế toán tiền mặt kiêm giá thành: có nhiệm vụ theo dõi các khoản tăng giảm liên quan đến tiền mặt, đồng thời tập hợp toàn bộ các chi phí bao gồm chi phí để tính giá thành sản phẩm. Kế toán giá thành có nhiệm vụ theo dõi tình hình giá thành thực tế với giá thành kế hoạch, xem xét giá thành của một số mặt hàng mới, định kì lập báo cáo chi phí giá thành cho các khoản mục yếu tố.

Kế toán tiền gửi ngân hàng và vật tư ngành Giấy & Giấy: theo dõi tất cả các khoản phát sinh, tăng giảm liên quan tới tiền gửi ngân hàng, đồng thời theo dõi các nghiệp vụ nhập xuất tồn kho đối với vật liệu ngành Giấy và Giấy.

Kế toán Lương và vật liệu ngành Thảm & Xây dựng: Có trách nhiệm tính lương, thưởng, các chế độ chính sách cho công nhân trong công ty, đồng thời theo dõi các nghiệp vụ liên quan tới vật tư ngành Thảm và Xây dựng.

Thủ quỹ: có trách nhiệm quản lý tiền mặt của công ty, các nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt. Thủ quỹ và kế toán tiền mặt thường xuyên đối chiếu với nhau đảm bảo sự chính xác, minh bạch.

2.1.5. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 QĐ - BTC được ban hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hình thức kế toán: Nhật ký – chứng từ

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

- Hàng ngày, từ các chứng từ kế toán và các bảng phân bổ, kế toán vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ, đồng thời lập sổ và thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng, từ Sổ hoặc thẻ kế toán, kế toán lập Nhật ký chứng từ.

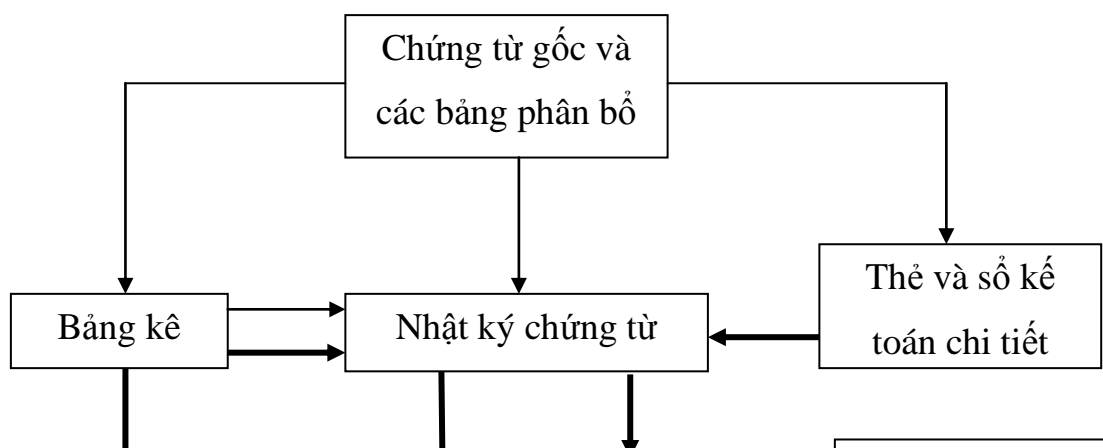
- Đồng thời, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để vào Sổ cái tài khoản, tổng hợp số liệu từ sổ và thẻ kế toán chi tiết để vào bảng tổng hợp chi tiết.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán còn tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ cái tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ các Bảng kê, Nhật ký chứng từ, Sổ cái vào Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký- Chứng từ





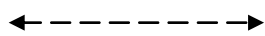
Ghi chú



Ghi hàng ngày



Ghi cuối kỳ



Đối chiếu, kiểm tra

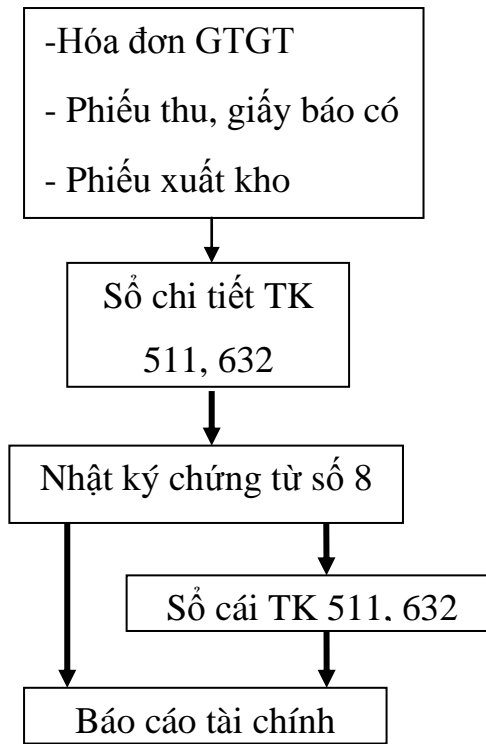
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh

- Đặc điểm kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty
 - Phương thức bán hàng: Bán hàng theo phương thức trực tiếp.
 - Hình thức thanh toán:
 - Tiền mặt
 - Tiền gửi ngân hàng
- Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty
Tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh hàng xuất kho được tính theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Chứng từ sử dụng
 - Hợp đồng kinh tế
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu, Giấy báo Có của Ngân hàng
 - Phiếu xuất kho.
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - TK 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng
 - Nhật ký chứng từ số 8
 - Sổ Cái TK 511, 632
 - Sổ Chi tiết TK 511, 632

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Hàng Kênh



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
—————→ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào sổ chi tiết TK 511, 632. Cuối tháng, kế toán dựa vào số liệu trên sổ chi tiết để lập NKCT số 8. Từ NKCT số 8 kế toán ghi vào sổ cái TK 511, 632. Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2012 công ty bán 100 tấm thảm trải sàn tây bóng loại 25*25 nút/m² cho công ty Cổ phần Thương Mại Minh Quang, thuế GTGT 10% tổng giá thanh toán là 462.000.000VNĐ, chưa thu tiền.

Quy Trình hạch toán:

Kế toán lập HĐ GTGT số 0002859, căn cứ vào HĐ GTGT số 0002859 để lập phiếu xuất số 1721

Kế toán căn cứ hóa đơn GTGT số **0002859** (Biểu 2.1) để ghi vào sổ chi tiết TK 511(Biểu 2.3)

Đồng thời kế toán dựa vào phiếu xuất kho số 1721 (Biểu 2.2) ghi sổ chi tiết TK 632. (Biểu 2.4)

Cuối tháng từ các sổ chi tiết TK 511, 632; kế toán ghi vào NKCT số 8 (Biểu 2.5). Từ NKCT số 8 kế toán ghi vào sổ cái TK 511, 632.(Biểu 2.6 và 2.7)

Cuối năm, từ sổ cái các tài khoản, kế toán lập Báo cáo tài chính

Biểu 2.1. HÓA ĐƠN GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số :01GTKT3/001		
Liên 03: nội bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 03/12/2012			Số: 0002859		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH					
Mã số thuế: 0200102626					
Địa chỉ : Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH QUANG					
Mã số thuế: 0301683166					
Địa chỉ: Số 466 Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh					
Hình thức thanh toán:					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Thảm trải sàn tây bóng 25*25 nút/m ²	cái	100	4.200.000	420.000.000
Cộng tiền hàng:.....					420.000.000
Thuế suất thuế GTGT:10%			Tiền thuế GTGT		42.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					462.000.000
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Biểu 2.2. PHIẾU XUẤT KHO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Mẫu số 02 - VT

124 Nguyễn Đức Cảnh

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số phiếu: 1721

Ngày 03/12/2012

Nợ TK: 632

Có TK: 155

Người giao dịch: Phan Văn Chính

Xuất tại kho : KHO1

Đơn vị (Bộ phận) :

Dạng nhập:

Số HĐ: Ngày

0002859 03/12/2012

Diễn giải: Xuất bán thảm

Theo HĐ 0002859 ngày 03/12/2012

Tên vật tư	TK vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Thảm trải sàn tây bóng 25*25 nút/m2	155	SB2525	cái	100	3.845.963	384.596.300
Cộng				100	3.845.963	384.596.300

Xuất ngày 03 tháng 12 năm 2012

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KẾ TOÁN

NGƯỜI NHẬN HÀNG

THỦ KHO

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.3. SỔ CHI TIẾT TK 511**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH****124 Nguyễn Đức Cảnh****SỔ CHI TIẾT TK 511****Tháng 12 năm 2012**

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		3.924.386.569	3.924.386.569

2/12/2012	HĐ	0002856	CKHN	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Bán thảm	131		52.489.500
3/12/2012	HĐ	0002857	THANHTN	Anh Thanh Thủy Nguyên	Bán thảm	131		20.500.000
3/12/2012	HĐ	0002858	VPTWĐ	Văn phòng Trung ương Đảng	Bán thảm	131		730.000.000
3/12/2012	HĐ	0002859	CPMQ	Công ty CP Thảm Minh Quang	Bán thảm	131		420.000.000

31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911	3.924.386.569	

Biểu 2.4. SỔ CHI TIẾT TK 632**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH****124 Nguyễn Đức Cảnh****SỔ CHI TIẾT TK 632****Tháng 12 năm 2012**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		3.378.915.831	3.378.915.831
		
2/12/2012	PXK	1718	CKHN	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Bán thảm	155	48.478.845	
3/12/2012	PXK	1719	THANHTN	Anh Thanh Thủy Nguyên	Bán thảm	155	19.784.665	
3/12/2012	PXK	1720	VPTWĐ	Văn phòng Trung ương Đảng	Bán thảm	155	698.155.332	
3/12/2012	PXK	1721	CPMQ	Công ty CP Thảm Minh Quang	Bán thảm	155	384.596.300	
		
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911		3.378.915.831

Biểu 2.5. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S04a8-DN
 (Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 12 năm 2012

S T T	SH TK ghi nợ	Các TK ghi Có													
		Các TK ghi Nợ	131	155	511	515	632	635	641	642	821	421	911	Cộng	
1	111	Tiền mặt	245.390.327		431.682.522										677.072.849
2	112	Tiền gửi ngân hàng	543.879.500		1.138.072.105	826.153									1.682.777.758
3	131	Phải thu khách hàng			2.354.631.942										2.354.631.942
4	511	DT BH và CCDV										3.924.386.569			3.924.386.569
5	515	DT HĐ TC										826.153			826.153
6	632	Giá vốn hàng bán		3.378.915.831											3.378.915.831
8	911	XĐ KQ kinh doanh					3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074			6.684.841.480
		Cộng	789.269.827	3.378.915.831	3.924.386.569	826.153	3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074	3.925.212.722		18.703.452.582

Biểu 2.6. SỔ CÁI TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	..	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
911		..		3.924.386.569	47.092.638.827
Cộng SPS Nợ		..		3.924.386.569	47.092.638.827
Cộng SPS Có		..		3.924.386.569	47.092.638.827
Số dư cuối tháng Nợ		..			
Có		..			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Biểu 2.7. SỔ CÁI TK 632

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	..	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
155		...		3.378.915.831	40.546.989.972
Cộng SPS Nợ		...		3.378.915.831	40.546.989.972
Cộng SPS Có		...		3.378.915.831	40.546.989.972
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

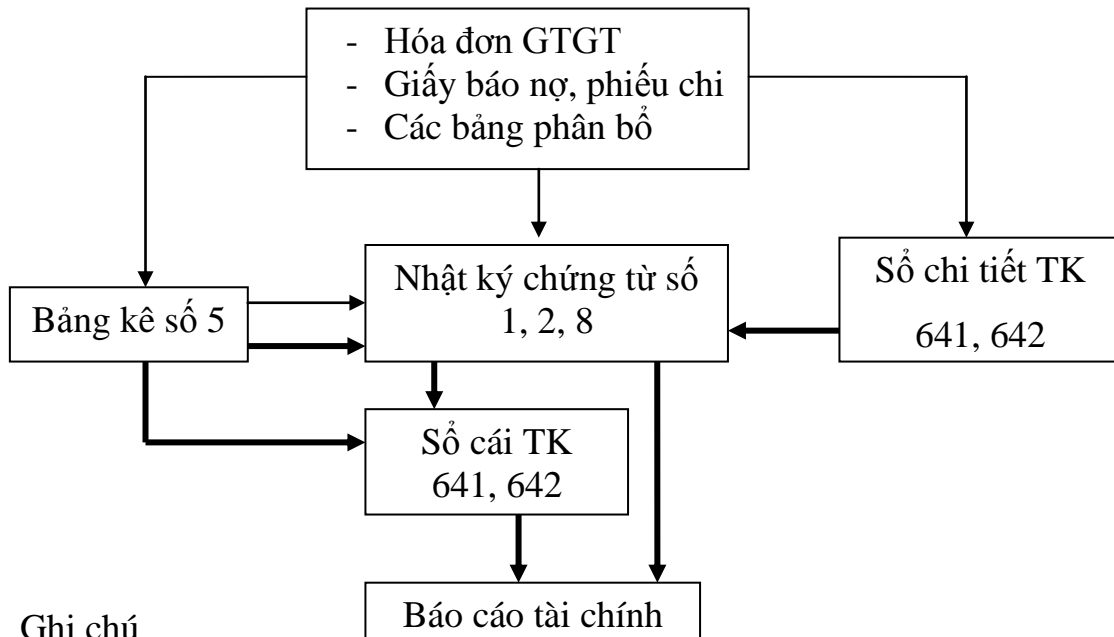
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh

- Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên; Chi phí vật liệu, bao bì; Chi phí dụng cụ, đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp gồm: Chi phí nhân viên quản lý; Chi phí vật liệu quản lý; Chi phí đồ dùng văn phòng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Thuế, phí và lệ phí; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác
- Chứng từ sử dụng:
 - HĐ GTGT, Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao
 - Bảng thanh toán lương
 - Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 641 : Chi phí bán hàng
 - TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ sách sử dụng
 - Bảng kê số 5
 - Nhật ký chứng từ số 1, 2, 8
 - Sổ Cái TK 641, 642
 - Sổ Chi tiết TK 641, 642

➤ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý Doanh nghiệp



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
 → Ghi cuối kì

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 641, 642; NKCT số 1, 2; bảng kê số 5. Cuối tháng từ sổ chi tiết TK 641, 642 kế toán ghi vào nhật ký chứng từ số 8. Từ bảng kê số 5 và NKCT số 8, kế toán ghi vào sổ cái TK 641, 642. Cuối năm từ sổ cái TK 641, 642 kế toán lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 2/12, công ty thanh toán tiền điện thoại bàn của Cửa hàng bán và trưng bày sản phẩm công ty tại số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Hải Phòng, số tiền 341.493 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Ví dụ 3: Ngày 3/12, công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho phòng Thống kê - Kế toán, số tiền 766.000 VNĐ, thuế GTGT 10%, trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 8037457 và HĐ GTGT số 0000657, kế toán lập phiếu chi số 964 ,966 (Biểu số 2.8 và 2.9). Đồng thời, ghi sổ chi tiết TK 641 (Biểu 2.10), TK 642 (Biểu 2.11). Cuối tháng, kế toán tập hợp số liệu để vào bảng kê số 5 (Biểu 2.12), NKCT số 1, 2, 8 (Biểu 2.13; 2.14 và 2.15) sau đó vào sổ cái TK 641, 642 (Biểu 2.16 và 2.17). Cuối kỳ sổ cái các tài khoản được dùng để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Mẫu số: 01GTKT2/003

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Liên 2: Giao khách hàng

Kí hiệu: AB/12T

Số 1- Giang Văn Minh- Ba Đình- Hà Nội

Thùng số: 04019

Số: 8037457

MST: 0100109106

Đơn vị thu: CN Viettel Hải Phòng- Tập đoàn Viễn thông Quân Đội

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Hàng Kênh

MST: 0200102626

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng

Số thuê bao: 316700695

Kỳ cước: Từ 01/11/2012 đến 30/11/2012

Số hợp đồng: 12212/6128000001/13092013

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Diễn giải	Mã DV	Tiền dịch vụ	Thuế suất(%)	Tiền thuế	Cộng
a	b	c	1	2	3=1*2	4=1+3
1	Cước chịu thuế	P	310.448	10	31.045	341.493
2	Cước không chịu thuế	P	0			0
Cộng			310.448		31.045	
Tổng cộng tiền thanh toán:						341.493
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng chẵn.						

Ngày....thángnăm

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

Người nộp

Nhân viên giao dịch

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 02: giao người mua

Ngày 03/12/2012

Mẫu số :01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/12P

Số: 0000657

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHẨM SỐ 1 HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0200454753

Địa chỉ : Số 1 Điện Biên Phủ - Hồng Bàng - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Mã số thuế:0200102626

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Cát Dài, Lê Chân, Hải phòng

Hình thức thanh toán: tiền mặt

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
01	Giấy in A4	Thùng	01	600.000	600.000
02	Kẹp giấy	Hộp	02	23.000	46.000
03	Bút bi Thiên Long	Hộp	02	60.000	120.000
Cộng tiền hàng:.....					766.000
Thuế suất thuế GTGT:10%				Tiền thuế GTGT:.....	76.600
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					842.600
Số tiền bằng chữ: tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8. PHIẾU CHI SỐ 964

Công ty cổ phần Hàng Kênh
Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, HP

Mẫu số 02- TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số :964

Ngày 02/12/2012

Nợ: 641/133

Có:111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lụa

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại bàn T11/2012 của cửa hàng công ty

Số tiền: 341.493 VNĐ

(Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc: HĐ 8037457

Thủ trưởng	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9. PHIẾU CHI SỐ 966

Công ty cổ phần Hàng Kênh
Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, HP

Mẫu số 02- TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số :966

Ngày 03/12/2012

Nợ: 642/133

Có:111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Xuân Đạt

Địa chỉ: Phòng thống kê – kế toán

Lý do chi: Chi tiền mua văn phòng phẩm cho phòng Thống kê – Kế toán

Số tiền: 842.600 VNĐ

(Viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc: HD 0000657

Thủ trưởng	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký,họ tên,đóng dấu)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10. SỔ CHI TIẾT TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 641

Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		87.851.812	87.851.812
		
02/12/2012	PC	964	VTQD	Tập đoàn viễn thông quân đội	Thanh toán tiền điện thoại bàn T11/2012 của cửa hàng công ty	111	310.448	
		
30/12/2012	PC	1012	DTL	Đào Thị Lý	Thanh toán tiền chi phí trang trí gian hàng phục vụ hội chợ triển lãm T11/2012	111	2.420.000	
31/12/2012	PC	1013	VP	Chi phí chung công ty	Thanh toán tiền học phí khóa học kỹ năng bán hàng	111	1.750.000	
		
31/12/2012	BKH	12			Khấu hao TSCĐ	214	7.906.663	
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911		87.851.812

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11. SỔ CHI TIẾT TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÈNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 642 **Tháng 12 năm 2012**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		168.945.792	168.945.792
01/12	PC	963	VDN	Vũ Đức Nam	Thanh toán tiền công tác phí	111	500.000	
02/12	PC	965	BD	Bưu điện thành phố	Thanh toán tiền điện thoại di động cho Giám đốc	111	547.245	
03/12	PC	966	NXDAT	Nguyễn Xuân Đạt	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	766.000	
		
31/12	BKH	12			Khấu hao TSCĐ	214	18.584.037	
31/12	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911		168.945.792

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.12. BẢNG KÊ SỔ SỐ 5

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số: S04b5-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

BẢNG KÊ SỔ SỐ 5

Tập hợp : - Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
 - Chi phí bán hàng
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
 Tháng 12 năm 2012

STT	Các TK ghi có		TK 214	TK 334	TK 338	Các TK phản ánh ở các NKCT khác		Cộng chi phí thực trong tháng
	Các TK ghi nợ	...				NKCT số 1	NKCT số 2	
....
1	TK 641 - Chi phí bán hàng	...						
	Chi phí nhân viên	...		51.678.828	18.558.695			70.237.523
	Chi phí vật liệu, bao bì
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng
	Chi phí khấu hao TSCĐ	...	7.906.663					7.906.663
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	...				2.185.421		2.185.421
	Chi phí khác bằng tiền	...				5.534.988		5.534.988
	Cộng	...	7.906.663	51.678.828	18.558.695	7.720.409		87.851.812
2	TK 642 - Chi phí QLDN	...						
	Chi phí nhân viên quản lý	...		107.027.159	11.234.895			118.262.054
	Chi phí vật liệu quản lý	...				766.000		766.000
	Chi phí đồ dùng văn phòng
	Chi phí khấu hao TSCĐ	...	18.584.037					18.584.037
	Thuế phí và lệ phí
	Chi phí dự phòng
	Dịch vụ mua ngoài	...				13.177.772		13.177.772
	Chi phí khác bằng tiền	...				11.716.807	2.136.748	13.853.555
	Cộng	...	18.584.037	107.027.159	11.234.895	25.660.579	2.136.748	168.945.792

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số: S04a1-DN
(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1 **Tháng 12 năm 2012**

Ngày		Ghi Có TK 111 - Ghi Nợ các TK khác					Cộng Có TK 111
		112	331	641	642	...	
....	
02-th12	...		23.453.600	310.448	547.245		44.124.764
03-th12	...	100.000.000			766.000		100.766.000
04-th12	...				417.894		1.154.000
05-th12	...			185.000			4.152.893
....
31-th12	...	20.000.000	37.385.398	1.750.000	450.850		62.754.800
Cộng	...	120.000.000	103.535.912	7.720.409	25.660.579		277.651.457

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số: S04a2-DN
(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2 Tháng 12 năm 2012

Ngày	Ghi Có TK 112 - Ghi Nợ các TK khác						Cộng Có TK 112
	311	331	635	641	642	...	
....	
04-th12		66.000.000			587.450		73.246.195
...
07-th12		50.500.000	25.687.612				83.806.373
....	0
30-th12	75.549.579						83.104.537
31-th12		25.000.000					27.500.000
Cộng	75.549.579	1.468.540.550	38.623.946		2.136.748		1.743.335.905

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S04a8-DN
 (Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 12 năm 2012

S T T	SH TK ghi nợ	Các TK ghi Có											Cộng		
		Các TK ghi Nợ	131	155	511	515	632	635	641	642	821	421		911	
1	111	Tiền mặt	245.390.327		431.682.522										677.072.849
2	112	Tiền gửi ngân hàng	543.879.500		1.138.072.105	826.153									1.682.777.758
3	131	Phải thu khách hàng			2.354.631.942										2.354.631.942
4	511	DT BH và CCDV											3.924.386.569		3.924.386.569
5	515	DT HĐ TC											826.153		826.153
6	632	Giá vốn hàng bán		3.378.915.831											3.378.915.831
8	911	XĐ KQ kinh doanh					3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074			6.684.841.480
		Cộng	789.269.827	3.378.915.831	3.924.386.569	826.153	3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074	3.925.212.722		18.703.452.582

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16. SỔ CÁI TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
111		7.720.409	92.644.908
112			6.231.816
...
214		7.906.663	94.879.956
334		51.678.828	620.145.936
338		18.558.695	222.704.340
Cộng SPS Nợ		87.851.812	1.054.221.739
Cộng SPS Có		87.851.812	1.054.221.739
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17. SỔ CÁI TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
111	25.660.579	307.926.948
112	2.136.748	25.640.976
...
214	18.584.037	223.008.444
334				107.027.159	1.284.325.908
338	11.234.895	134.818.740
Cộng SPS Nợ	168.945.792	2.027.349.499
Cộng SPS Có	168.945.792	2.027.349.499
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh

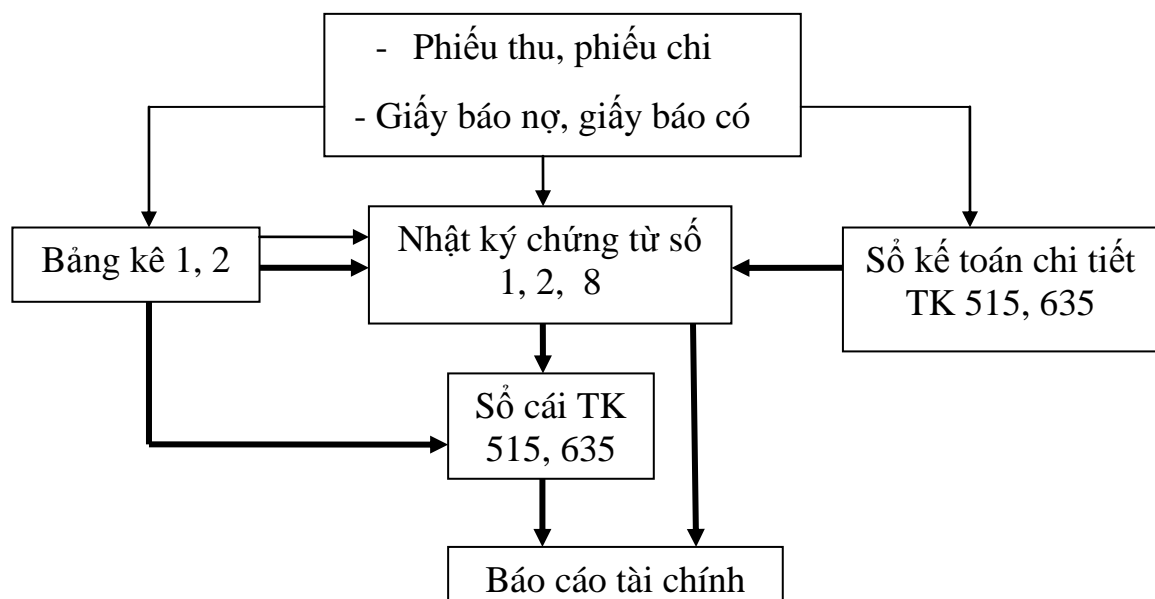
Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là Lãi tiền gửi.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là lãi vay phải trả ngân hàng.

- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu chi, Phiếu thu
 - Giấy báo Có, Giấy báo Nợ
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
- Sổ sách sử dụng:
 - Bảng kê số 1, 2
 - Nhật ký chứng từ số 1, 2, 8
 - Sổ Cái TK 515, 635
 - Sổ Chi tiết TK 515, 635
- Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.7.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào Bảng kê số 1, 2; Nhật ký chứng từ số 1,2; Sổ chi tiết TK 515, 635. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê và sổ chi tiết kế toán lập Nhật ký chứng từ số 8, từ NKCT số 8 kế toán vào sổ cái TK 515, 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 4: Ngày 31/12 nhận lãi tiền gửi tháng 12 từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng, số tiền là 282.790 VNĐ.

Ví dụ 5: Ngày 7/12 Trả lãi vay tháng 11 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, số tiền 25.687.612 VNĐ.

Quy trình hạch toán:

Từ Giấy báo Có và Giấy báo Nợ của 2 ngân hàng (Biểu số 2.18, 2.19) kế toán phản ánh vào bảng kê số 2 (Biểu 2.20), nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.21) và sổ chi tiết TK 515, 635 (Biểu số 2.22, 2.23). Cuối tháng từ sổ chi tiết TK 515, 635 và bảng kê số 2, kế toán vào Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.24). Từ NKCT số 8 kế toán vào sổ cái TK 515, 635 (Biểu số 2.25, 2.26). Cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái và lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.18. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG



GIẤY BÁO CÓ

MST KH

Chi nhánh: Bắc Hải

MST NH

Ngày 31/12/2012

Nguyên tệ

Mã GD: FTI40254871412000BNK

GDV: ASTPATH

Tài khoản : 3457951236489

Khách hàng : Công ty cổ phần Hàng Kênh

Tài khoản có:

Bằng chữ:

Số tiền:

Hai trăm tám hai nghìn bảy trăm chín mươi đồng.

282.790

Diễn giải: Lãi tiền gửi tháng 12

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19. GIẤY BÁO NỢ CỦA NGÂN HÀNG



AGRIBANK

HẢI AN

Số 5 Ngô Gia Tự, Hải An, Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 07 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh

Tài khoản số: 4124563247821

Nội dung: Lãi vay tháng 11/2012

PHÂN DO NGÂN HÀNG GHI
TK Nợ
TK Có

Số tiền: 25.687.612

Viết bằng chữ: Hai năm triệu sáu trăm tám bảy ngàn sáu trăm mười hai đồng.

Sổ phụ

(Đã ký)

Kế toán

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Biểu 2.20. BẢNG KÊ SỐ 2

Mẫu số: S04B2-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng
Tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Ghi Nợ TK 112 - Ghi Có các TK khác				
Số	Ngày	111	131	511	515	Cộng

	03/12/2012	100.000.000	30.000.000	730.000.000		860.000.000
	06/12/2012		112.793.100			112.793.100
	07/12/2012	20.000.000				20.000.000

	31/12/2012				826.153	826.153
	Cộng	120.000.000	543.879.500	1.138.072.105	826.153	1.802.777.758

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.21. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Mẫu số: S04a2-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của

124 Nguyễn Đức Cảnh

BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Tháng 12 năm 2012

Ngày	Ghi Có TK 112 - Ghi Nợ các TK khác						Cộng Có TK 112
	311	331	635	641	642	...	
....	
04-th12		66.000.000			587.450		73.246.195
...
07-th12		50.500.000	25.687.612				83.806.373
....	0
30-th12	75.549.579						83.104.537
31-th12		25.000.000					27.500.000
Cộng	75.549.579	1.468.540.550	38.623.946		2.136.748		1.743.335.905

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.22. SỔ CHI TIẾT TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 515
Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		826.153	826.153
31/12/2012	GBC	725	NHNT	Ngân hàng Vietcom bank	Nhận lãi tiền gửi tháng 12/2012	112		520.000
31/12/2012	GBC	920	MBBH	Ngân hàng Quân đội - CN Bắc Hải	Nhận lãi tiền gửi tháng 12/2012	112		282.790
31/12/2012	GBC	930	NHCTLC	Ngân hàng TMCP CT VN - CN LC	Nhận lãi tiền gửi tháng 12/2012	112		23.363
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911	826.153	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23. SỔ CHI TIẾT TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 635
Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		38.623.946	38.623.946
		
05/12	GBN	819	NHCT	Ngân hàng TMCP CT VN - CN LC	Trả lãi vay tháng 11/2012	112	7.186.334	
07/12	GBN	821	NHNT	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	Trả lãi vay tháng 11/2012	112	25.687.612	
		
31/12	PKT	87			Kết chuyển sang TK 911	911		38.623.946

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.24. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S04a8-DN
 (Ban hành theo QĐ Số15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 12 năm 2012

S T T	SH TK ghi nợ	Các TK ghi Có												Cộng	
		Các TK ghi Nợ	131	155	511	515	632	635	641	642	821	421	911		
1	111	Tiền mặt	245.390.327		431.682.522										677.072.849
2	112	Tiền gửi ngân hàng	543.879.500		1.138.072.105	826.153									1.682.777.758
3	131	Phải thu khách hàng			2.354.631.942										2.354.631.942
4	511	DT BH và CCDV											3.924.386.569		3.924.386.569
5	515	DT HĐ TC											826.153		826.153
6	632	Giá vốn hàng bán		3.378.915.831											3.378.915.831
8	911	XĐ KQ kinh doanh					3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074			6.684.841.480
		Cộng	789.269.827	3.378.915.831	3.924.386.569	826.153	3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074	3.925.212.722		18.703.452.582

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.25. SỔ CÁI TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI
TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

DVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
911		...		826.153	9.913.835
Cộng SPS Nợ		...		826.153	9.913.835
Cộng SPS Có		...		826.153	9.913.835
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 635 – Chi phí tài chính

Biểu 2.26. SỔ CÁI TK 635

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
112		...		38.623.946	463.487.353
Cộng SPS Nợ		...		38.623.946	463.487.353
Cộng SPS Có		...		38.623.946	463.487.353
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

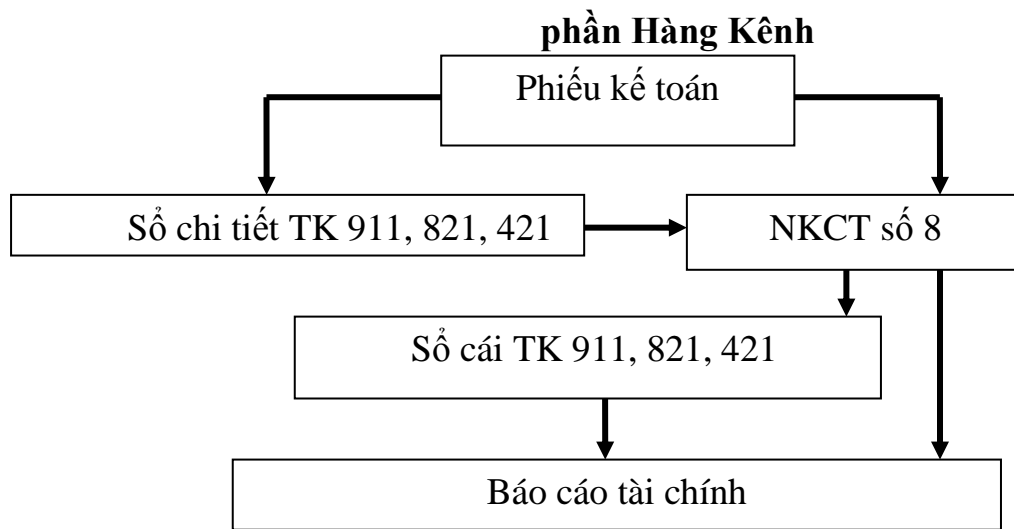
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 .năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Hàng Kênh

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng: TK 911, 821, 421
- Sổ sách sử dụng:
 - Nhật ký chứng từ số 8
 - Sổ Cái TK 911, 821, 421
 - Sổ Chi tiết TK 911, 821, 421
- Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại công ty cổ



Ghi chú



Ghi cuối kỳ

Cuối năm, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ các phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào sổ chi tiết các TK 911, 821, 421; nhật ký chứng từ số 8. Từ sổ chi tiết các TK, kế toán ghi vào NKCT số 8. Từ NKCT số 8, kế toán vào sổ cái các tài khoản 911, 821, 421. Sau đó từ sổ cái các TK, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 31/12/2012, kế toán thực hiện tính toán kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2012. Trong đó:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** 47.092.638.827
- **Giá vốn hàng bán:** 40.546.989.972
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** 9.913.835
- **Chi phí tài chính:** 463.487.353
- **Chi phí bán hàng:** 1.054.221.739
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** 2.027.349.499

$$\begin{array}{cccccccc} \text{Kết} & & & & \text{Doanh} & & & & \\ \text{quả} & & & & \text{thu} & & & & \\ \text{kinh} & = & \text{Doanh} & - & \text{Giá} & + & \text{Doanh} & - & \text{Chi} & - & \text{Chi} & - & \text{Chi} \\ \text{doanh} & & \text{thu} & & \text{vốn} & & \text{thu} & & \text{phí tài} & & \text{phí} & & \text{phí} \\ & & \text{thuần} & & & & \text{hoạt} & & \text{chính} & & \text{bán} & & \text{QLDN} \\ & & & & & & \text{động} & & & & \text{hàng} & & \\ & & & & & & \text{tài} & & & & & & \\ & & & & & & \text{chính} & & & & & & \end{array}$$

$$\text{Kết quả kinh doanh} = 47.092.638.827 - 40.546.989.972 + 9.913.835 - 463.487.353 - 1.054.221.739 - 2.027.349.499 = 3.010.504.099$$

Kết quả kinh doanh = 3.010.504.099 > 0 → Lãi

Thuế TNDN phải nộp: 3.010.504.099 × 25% = 752.626.025

Căn cứ vào phiếu kế toán số 87, 88, 89, 90 (Biểu 2.27; 2.28; 2.29 và 2.30) kế toán tiến hành vào Sổ chi tiết TK 911, 821, 421 (Biểu số 2.31, 2.32, 2.33) và NKCT số 8(Biểu số 2.34). Từ sổ chi tiết TK 911, 821, 421, kế toán ghi vào Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.34) . Từ NKCT số 8, kế toán ghi vào sổ cái TK 911, 821, 421 (Biểu 2.35, 2.36, 2.37). Cuối cùng từ sổ cái các TK, kế toán lập Báo cáo tài chính. (Biểu 2.38)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.27. PHIẾU KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU KẾ TOÁN **Số 87**

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		47.092.638.827	
	911			47.092.638.827
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		9.913.835	
	911			9.913.835
Kết chuyển chi phí	911		44.092.048.563	
Kết chuyển giá vốn	632			40.546.989.972
Kết chuyển chi phí tài chính	635			463.487.353
Kết chuyển chi phí bán hàng	641			1.054.221.739
Kết chuyển chi phí QLDN	642			2.027.349.499
Cộng			91.194.601.225	91.194.601.225

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Người lập
phiếu
(Kí, họ tên)

Biểu 2.28. PHIẾU KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU KẾ TOÁN **Số 88**

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS Nợ	PS Có
Xác định thuế TNDN phải nộp	821		752.626.025	
	3334			752.626.025
Cộng			752.626.025	752.626.025

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Người lập phiếu
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29. PHIẾU KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU KẾ TOÁN Số 89

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		752.626.025	
	821			752.626.025
Cộng			752.626.025	752.626.025

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Người lập phiếu
(Kí, họ tên)

Biểu 2.30. PHIẾU KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU KẾ TOÁN Số 90

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lãi	911		2.257.878.074	
	421			2.257.878.074
Cộng			2.257.878.074	2.257.878.074

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Người lập phiếu
(Kí, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.31. SỔ CHI TIẾT TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 911
Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		47.102.552.662	47.102.552.662
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		47.092.638.827
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		9.913.835
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển giá vốn	632	40.546.989.972	
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển chi phí tài chính	635	463.487.353	
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	1.054.221.739	
31/12/2012	PKT	87			Kết chuyển chi phí QLDN	642	2.027.349.499	
31/12/2012	PKT	89			Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	752.626.025	
31/12/2012	PKT	90			Kết chuyển lãi	421	2.257.878.074	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.32. SỔ CHI TIẾT TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 821 Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Tổng phát sinh		752.626.025	752.626.025
31/12/2012	PKT	88			Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	752.626.025	
31/12/2012	PKT	89			Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		752.626.025

Biểu 2.33. SỔ CHI TIẾT TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

SỔ CHI TIẾT TK 421 Tháng 12 năm 2012

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	TK Nợ	TK Có
	Mã CT	Số CT						
					Số dư đầu kỳ			1.853.467.500
					Tổng phát sinh			2.257.878.074

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

31/12/2012	PKT	90			Kết chuyển lãi	911	2.257.878.074
					Số dư cuối kì		4.111.345.574

Biểu 2.34. NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S04a8-DN
 (Ban hành theo QĐ Số15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Tháng 12 năm 2012

S T T	SH TK ghi nợ	Các TK ghi Có												Cộng	
		Các TK ghi Nợ	131	155	511	515	632	635	641	642	821	421	911		
1	111	Tiền mặt	245.390.327		431.682.522										677.072.849
2	112	Tiền gửi ngân hàng	543.879.500		1.138.072.105	826.153									1.682.777.758
3	131	Phải thu khách hàng			2.354.631.942										2.354.631.942
4	511	DT BH và CCDV											3.924.386.569		3.924.386.569
5	515	DT HĐ TC											826.153		826.153
6	632	Giá vốn hàng bán		3.378.915.831											3.378.915.831
8	911	XĐ KQ kinh doanh					3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074			6.684.841.480
		Cộng	789.269.827	3.378.915.831	3.924.386.569	826.153	3.378.915.831	38.623.946	87.851.812	168.945.792	752.626.025	2.257.878.074	3.925.212.722		18.703.452.582

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.35. SỔ CÁI TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
421		...		2.257.878.074	2.257.878.074
632		...		3.378.915.831	40.546.989.972
635		...		38.623.946	463.487.353
641				87.851.812	1.054.221.739
642				168.945.792	2.027.349.499
821				752.626.025	752.626.025
Cộng SPS Nợ		...		6.684.841.480	47.102.552.662
Cộng SPS Có		...		6.684.841.480	47.102.552.662
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.36. SỔ CÁI TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
3334		...		752.626.025	752.626.025
Cộng SPS Nợ		...		752.626.025	752.626.025
Cộng SPS Có		...		752.626.025	752.626.025
Số dư cuối tháng Nợ					
Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Biểu 2.37. SỔ CÁI TK 421

Mẫu số S05-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CÁI

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2012

Số dư đầu năm

Nợ	Có
	1.853.467.500

ĐVT : VNĐ

Ghi Có các TK đối ứng Nợ với TK này	Tháng 1	...	Tháng 11	Tháng 12	Cả năm
Cộng SPS Nợ					
Cộng SPS Có		...		2.257.878.074	2.257.878.074
Số dư cuối tháng Nợ					
Có				4.111.345.574	4.111.345.574

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.38. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH
124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số B02- DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

ĐVT: VNĐ

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.13.	47.092.638.827	46.396.688.500
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.14.	0	0
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	47.092.638.827	46.396.688.500
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	40.546.989.972	39.947.773.371
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.545.648.855	6.448.915.128
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	9.913.835	9.767.325
7	Chi phí tài chính	22	VI.18.	463.487.353	456.637.786
	<i>(Trong đó: Chi phí lãi vay)</i>	23		463.487.353	456.637.786
8	Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	1.054.221.739	1.038.642.108
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	2.027.349.499	1.997.388.669
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.010.504.099	2.966.013.891
11	Thu nhập khác	31	VIII.3.9	0	1.250.000
12	Chi phí khác	32	VIII.3.10	0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	1.250.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.010.504.099	2.967.263.891
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	752.626.025	741.815.973
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.257.878.074	2.225.447.918
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.		

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

3.1.1. Kết quả đạt được

Qua quá trình thực tập em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh đã đạt được một số kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Như đã trình bày tại phần 2.1.4, Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong Công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Phần lớn nhân viên kế toán là những người đã gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập, thuần thục các quy trình kế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

toán do Công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

3.1.1.2. Về hình thức kế toán:

Do đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng nên công ty sử dụng hình thức Nhật ký - chứng từ. Hình thức này có ưu điểm: Căn cứ chứng từ để ghi sổ kế toán rõ ràng, không phát sinh việc ghi trùng lặp, khối lượng công việc ghi sổ kế toán ít vì tận dụng ưu thế của bản tổng hợp chứng từ gốc cùng loại, công việc kiểm tra đối chiếu không bị dồn vào cuối kỳ kế toán, áp dụng hình thức này công ty giảm được lao động trong phòng kế toán mà vẫn cung cấp nhanh nhất, chính xác nhất những thông tin kinh tế phục vụ cho quản lý điều hành doanh nghiệp.

3.1.1.3. Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

Các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều sử dụng theo chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/ 2006/ QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC có sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.

- Chứng từ sử dụng

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty là thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

- Tài khoản, sổ sách sử dụng

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính. Công ty có bổ sung thêm một số tiêu khoản phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty và thuận tiện cho việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Công ty sử dụng tương đối đầy đủ các sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

3.1.1.4. Về việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

doanh tại Công ty :

- Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách xác thực nhất cho ban lãnh đạo của công ty.

- Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ và kịp thời. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, bảo đảm tính hợp lý và cần thiết. Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối kỳ, cuối năm, công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Hàng Kênh vẫn còn có những hạn chế nhất định.

3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản cấp 2 cho Tài khoản 511, tài khoản 632 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn từng mặt hàng.

3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng

Công ty cổ phần Hàng Kênh có rất nhiều mặt hàng nhưng khi hạch toán doanh thu công ty mới chỉ lập Sổ chi tiết TK 511 và Sổ cái TK 511 để theo dõi chung cho tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng chứ chưa lập Sổ chi tiết bán hàng và bảng tổng hợp chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp mà từng mặt hàng đem lại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1.2.3. Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại

Trong thị trường cạnh tranh gay gắt, các Công ty muốn thu hút khách hàng cần đưa ra những chính sách bán hàng hợp lý để khuyến khích khách hàng mua với số lượng lớn hay thanh toán trước thời gian ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa áp dụng những chính sách ưu đãi như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán phù hợp với tình hình tiêu thụ tại Công ty nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, giữ chân khách hàng lâu năm và thu hút những khách hàng mới tiềm năng. Từ đó, Công ty khó tăng được lượng hàng tiêu thụ và khó tăng được doanh thu bán hàng. Đây là một điểm còn tồn tại trong chính sách bán hàng của công ty.

3.1.2.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng theo trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai xử lý.

3.1.2.5. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Hiện nay công ty mới chỉ thực hiện công tác kế toán trên excel nên mất khá nhiều thời gian, công sức, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, sai lệch về số liệu và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.1.2.6. Chưa trích lập khoản dự phòng khó đòi

Qua nghiên cứu bảng theo dõi tình hình công nợ đến hết ngày 31 tháng 12, em thấy Công ty có một số khách hàng đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng nhưng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Việc không trích lập khoản dự phòng khó đòi, đồng nghĩa với việc công ty không dự kiến được các tổn thất. Do vậy, khi những rủi ro bất ngờ xảy ra thì công ty khó có thể xử lý kịp thời dẫn đến việc công ty sẽ chịu những ảnh hưởng nặng nề hơn với những tổn thất không đáng có, ảnh hưởng đến tài chính công ty.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HÀNG KÊNH

3.2.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

➤ Công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK 511, TK 632 để theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng. Sau đây em xin mở tài khoản cấp 2 cho TK 511 và TK 632 như sau:

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

-		Tài khoản
-	511.1 – Doanh thu bán thảm trải sàn mộc 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	511.2 – Doanh thu bán thảm trải sàn tủy bóng 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	511.3 – Doanh thu bán thảm đường dẫn mộc 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	511.4 – Doanh thu bán thảm đường dẫn tủy bóng 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	511.5 – Doanh thu bán thảm tranh tủy bóng 60*60 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	511.6 – Doanh thu bán thảm len lông cừu 100%	

.....

❖ Tài khoản 6321 – Giá vốn hàng bán

-		Tài khoản
-	632.1 – Giá vốn bán thảm trải sàn mộc 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	632.2 – Giá vốn bán thảm trải sàn tủy bóng 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	632.3 – Giá vốn bán thảm đường dẫn mộc 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	632.4 – Giá vốn bán thảm đường dẫn tủy bóng 25*25 nút/m ²	
-		Tài khoản
-	632.5 – Giá vốn bán thảm tranh tủy bóng 60*60 nút/m ²	

-
632.6 – Giá vốn bán thảm len lông cừu 100%

.....

3.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

➤ **Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng**

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng để xác định doanh thu, giá vốn, lãi gộp cho từng loại mặt hàng.

Em xin đưa ra mẫu sổ chi tiết bán hàng như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
BTBTC)

Địa chỉ:

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ):

Năm

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Em xin lập sổ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Số 124 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTBTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Thảm trải sàn tủy bóng loại 25*25 nút/m²
Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
...
03/12/2014	HĐ 1002859	03/12/2014	Bán cho CT TNHH TM Minh Quang	131	100	4.200.000	420.000.000		
10/12/2014	PT 1120	10/12/2014	Bán cho chị Hoa- Lê Chân	111	2	4.250.000	8.500.000		
18/12/2014	GBC	18/12/2014	Bán cho công ty CP Tiên- Phát- Hưng	112	321	4.200.000	1.348.200.000		
21/12/2014	HĐ 1003026	21/12/2014	Bán cho công ty CP An Vinh	131	45	4.200.000	189.000.000		
...
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3. *Sử dụng chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán*

➤ ***Đối với việc sử dụng chiết khấu thanh toán:***

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

Phương pháp hạch toán:

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà Công ty có thể đưa ra những tỷ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp nhưng cũng có thể tham khảo của 1 số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng... Thông thường, tỷ lệ chiết khấu được hưởng là từ 1% - 2% trên tổng giá thanh toán. Khi thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán Công ty cần đảm bảo 2 nguyên tắc: lợi ích của Công ty không bị xâm phạm, không làm mất bạn hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ áp dụng với khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 - chi phí tài chính

Nợ TK 635 (Khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Có TK 131,111,112...

Cuối kỳ kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính (Khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng).

➤ ***Đối với việc sử dụng chiết khấu thương mại:***

Đối với chiết khấu thương mại, Công ty nên có chính sách cho khách hàng hưởng một khoản chiết khấu khi mua hàng với số lượng lớn để khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, giữ chân khách hàng lâu năm và thu hút được nhiều khách hàng mới.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hiện nay, không có một văn bản nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, Công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của Công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường. Đồng thời, Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT được khấu trừ (33311) (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, . . .

- Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 – Chiết khấu thương mại.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.4. Về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Sau đây, em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

3.2.5. Áp dụng phần mềm kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy để góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý. Việc áp dụng kế toán máy đảm bảo thống nhất đồng bộ hệ thống, bên cạnh đó việc áp dụng kế toán máy sẽ tiết kiệm được thời gian và tăng năng suất lao động.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như FAST, METADATA, ASIA, DMA, CYBER ACCOUNTING, MISA, ASOFT, ADSOFT,... Công ty nên xem xét và quyết định mua sử dụng phần mềm kế toán nào để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

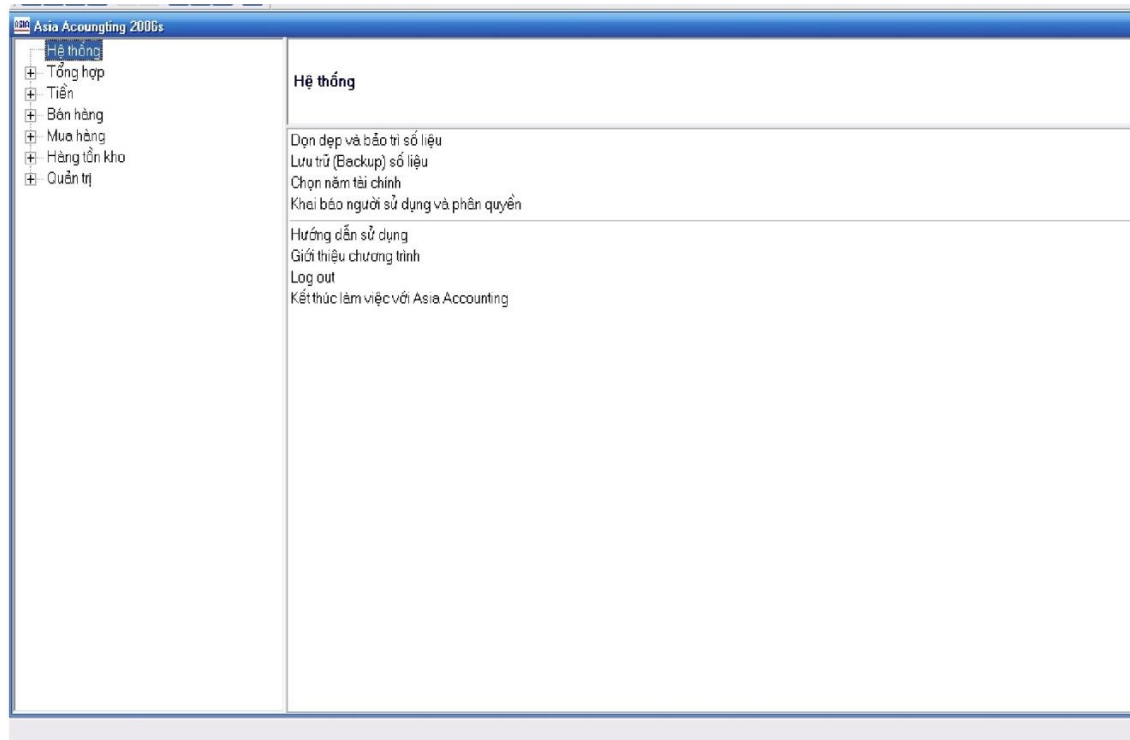
Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

mềm Kế toán FAST

➤ Phần mềm kế toán

MetaData

➤ Phần mềm kế toán ASIA



➤ Phần mềm kế toán MISA



3.2.6. Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu, thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý là một khoản tổn thất.

- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản thu khó đòi là :

▪ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đòi nhiều lần mà vẫn chưa đòi được.

▪ Nợ phải thu chưa đến kì hạn thanh toán nhưng khách hàng đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn..

▪ Những khoản nợ qua 3 năm trở lên coi như không có khả năng thu hồi và được xử lý xóa nợ.

❖ Phương pháp xác định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng phân loại theo thời gian thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi , nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng cả trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo % khả năng mất (thất thu)

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Mức trích lập** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7.12.2009)
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian	Mức trích lập
6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị khoản nợ
1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị khoản nợ
2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị khoản nợ
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị khoản nợ

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang trong quá trình giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ **Trình tự kế toán lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Cuối kỳ kế toán căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) kế toán phải xác định số dự phòng khó đòi cần trích lập.

- Nếu số dự phòng cần trích lập của năm nay lớn hơn số dư của các khoản dự phòng đã trích lập cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được trích lập sau :

Nợ 642 :

Có 139:

Ngược lại số trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng trích lập của năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn lập sau :

Nợ 139:

Có 642:

- Các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định thực sự là không đòi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

được thì được phép xóa nợ.

Nợ 139 : Số đã trích lập

Nợ 642 : Số chưa trích lập

Có 138, 131

Đồng thời ghi **Nợ 004 : Nợ khó đòi đã xử lý.**

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được

Nợ 111, 112...

Có 711

Đồng thời ghi **Có 004 : Nợ khó đòi đã xử lý.**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Số 124 Nguyễn Đức Cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG THEO DÕI TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Công nợ tính đến hết ngày 31/12/2012		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Thảm Quốc Minh	170.879.230		Qua hạn thanh toán 8 tháng
2	Công ty Cổ phần Đại An	257.981.730		
		
8	Công ty TNHH Mai Ngọc	89.458.456		Quá hạn thanh toán 10 tháng
9	Công ty TNHH MTV An Phú	70.154.581		
...		
	Tổng cộng	1.569.447.156		

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Căn cứ bảng theo dõi tình hình công nợ của Công ty cổ phần Hàng Kênh

Em xin lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Đối với khoản nợ của Công ty TNHH Thảm Quốc Minh quá hạn 8 tháng nên số tiền trích lập dự phòng sẽ là : $170.879.230 \times 30\% = 51.263.769$

- Đối với khoản nợ của Công ty TNHH Mai Ngọc quá hạn 10 tháng nên số tiền trích lập dự phòng sẽ là : $89.458.456 \times 30\% = 26.837.537$

Vậy số dự phòng nợ phải thu khó đòi = $51.263.769 + 26.837.537$

= 78.101.306

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KÊNH

Số 124 Nguyễn Đức Cảnh

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền
1	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	642	139	78.101.306
	Cộng			78.101.306

Người lập biểu

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò rất quan trọng với mỗi doanh nghiệp. Từ những thông tin về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị nắm được tình hình thực tế của doanh nghiệp từ đó tìm ra con đường phù hợp giúp công ty tăng doanh thu, hạ chi phí, phát triển bền vững. Đồng thời đây cũng là công cụ đắc lực giúp nhà đầu tư đưa ra được những quyết định đầu tư chính xác.

Khóa luận “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng Kênh” nêu được các vấn đề cơ bản:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được số liệu thực tế của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hàng Kênh để minh chứng cho khóa luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong khóa luận với thực tiễn tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hàng Kênh, em xin đưa ra một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Em hi vọng nó sẽ có tác dụng với công tác kế toán tại công ty.

Do điều kiện thời gian hạn chế và bản thân còn kém hiểu biết nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Kênh, các cô, các chị phòng Thống kê - kế toán cũng như sự chỉ bảo tận tình của cô giáo hướng dẫn Th.S Trần Thị Thanh Phương đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Trần Thị Thùy Linh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
2. 24 Chuẩn mực kế toán Việt Nam- Bộ tài chính
3. Quyết định 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
4. Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.
5. Khóa luận các khóa 12, 13 tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	CPBH	Chi phí bán hàng
2	CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	HTK	Hàng tồn kho
5	KC	Kết chuyển
6	NKCT	Nhật ký chứng từ
7	NSNN	Ngân sách Nhà nước
8	PP	Phương pháp
9	QĐ	Quyết định
10	TK	Tài khoản
11	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
12	TP, HH, DV	Thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ
13	TSCĐ	Tài sản cố định
14	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
15	XK, NK	Xuất khẩu, nhập khẩu